

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

*(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHV ngày .../.../2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7140205

Nghệ An, 2021

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	3
DANH SÁCH BẢNG.....	4
DANH SÁCH HÌNH.....	4
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	Error! Bookmark not defined.
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	11
2.1. Thông tin chung	11
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	
2.8. Đối sánh chương trình đào tạo	
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	
3.4. Kế hoạch giảng dạy	
3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học.....	
3.6. Ma trận kỹ năng	
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	25
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	33
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	77
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CĐR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN.....	

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	12
Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập.....	15
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT	17
Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT	26
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	27
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH.....	29
Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần.....	86

DANH SÁCH HÌNH

Hình 3.1. Ma trận kỹ năng	Error! Bookmark not defined.
--	-------------------------------------

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1.1. Giới thiệu tổng quan về Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Sư phạm Vinh và hiện nay là Trường Đại học Vinh đã trải qua quá trình hình thành và phát triển hơn 62 năm.

Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383.855.452; Fax: 02383.855269

E-mail: vinhuni@hn.vnn.vn Website: www.vinhuni.edu.vn

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Ba năm sau đó, ngày 28/8/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định bước phát triển của Nhà trường trong xu thế hội nhập. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Với những thành tựu quan trọng của nhà trường đã thể hiện sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục và Đào tạo ghi nhận và đánh giá cao.

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng. Trường Đại học Vinh xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh NCKH - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013), sau nhiều lần điều chỉnh sứ mạng để phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước, hiện nay Trường đã xác định sứ mạng: *Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát*

triển giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế. Xây dựng Trường Đại học Vinh thành một cơ sở giáo dục đại học năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tự do học thuật trên tinh thần dân chủ, tự chủ, bình đẳng. Tăng cường tính tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; phát huy trí tuệ, sức mạnh của tập thể và cá nhân; tranh thủ sự ủng hộ của các Bộ, Ban, Ngành Trung ương, các địa phương; huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng, chủ động và tăng cường hợp tác quốc tế để thúc đẩy Nhà trường phát triển bền vững. Lấy người học làm trung tâm. Ưu tiên đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu xã hội và phục vụ cộng đồng, đóng góp đặc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực. Sản phẩm giáo dục đào tạo của Nhà trường đạt trình độ cao và được các nhà tuyển dụng đón nhận cũng như được xã hội thừa nhận. Với một bề dày lịch sử và truyền thống hơn 62 năm trong giáo dục đào tạo lĩnh vực sư phạm có uy tín nhất cả nước cũng như trong công tác NCKH cơ bản, khoa học giáo dục thì Trường Đại học Vinh phải là đầu tàu và có sứ mệnh dẫn dắt sự phát triển của hệ thống giáo dục khu vực Bắc Trung Bộ. Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển, Trường Đại học Vinh đã cho thấy sự đổi mới, thích ứng với thế giới việc làm, đổi mới thích ứng với quá trình chuyên đổi công nghệ số và sáng tạo trong quá trình quản lý, điều hành; trong giáo dục đào tạo; trong NCKH và phục vụ cộng đồng, vì vậy Trường Đại học Vinh phải là Trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Về Tầm nhìn chiến lược là: *Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á; “Đến năm 2030, Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á”*

Với sứ mạng là trung tâm đổi mới sáng tạo, Nhà trường đặt ra mục tiêu lý tưởng cho lộ trình 10 năm tới là xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành Đại học thông minh. Đại học thông minh là một khái niệm liên quan đến việc hiện đại hóa toàn diện mọi quá trình giáo dục, đó là nơi chia sẻ kiến thức một cách liền mạch và là một hệ thống xanh, mạnh mẽ, được cá nhân hóa, có trách nhiệm, tương tác và thích nghi, cũng như có thể truy cập mọi nơi, mọi lúc và từ mọi thiết bị. Đặc trưng của đại học thông minh là được hỗ trợ bằng công nghệ thông minh, sử dụng các công cụ thông minh và thiết bị thông minh (*điển hình là thiết bị di động thông minh*), mạng thế hệ mới, các ứng dụng phần mềm tương tác cao.

Lộ trình của tầm nhìn này được tạo dựng trên cơ sở khi nhà trường đang hoàn thiện hệ thống quản trị hiện đại, ứng dụng phần mềm thông minh và công nghệ số trong quá trình quản lý điều hành và sự nghiệp giáo dục đào tạo của mình. Nhà trường đã xác định các nhiệm vụ sẽ phải thực hiện để trở thành Đại học thông minh gồm 8 lĩnh vực:

1. Smart Campus : Khuôn viên thông minh
2. Smart People : Người học thông minh
3. Smart Education : Giáo dục thông minh
4. Smart Research : Nghiên cứu thông minh
5. Smart Quality : Chất lượng thông minh
6. Smart Recruitment : Nhân lực thông minh
7. Smart Governance : Quản trị thông minh
8. Smart Influence : Ảnh hưởng thông minh

Bên cạnh đó, với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ cao, sản phẩm đầu ra đạt chất lượng đáp ứng tốt với thị trường lao động, có mạng lưới hợp tác phát triển rộng khắp trong nước và nước ngoài, nhà trường có căn cứ và động lực để phấn đấu xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á (*bảng xếp hạng QS Asia - xếp hạng các trường đại học Châu Á dựa vào các chỉ số liên quan đến uy tín của cơ sở giáo dục trong thế giới việc làm và môi trường học thuật*).

Về Triết lý giáo dục, Trường xác định: “*Hợp tác – Sáng tạo.*”

Trường Đại học Vinh xác định **Hợp tác** (*Collaboration*) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. **Hợp tác** là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. **Hợp tác** là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan. Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác.

Trường Đại học Vinh coi **Sáng tạo** (*Creativity*) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “*Hình thành ý tưởng – Thiết kế - Triển khai – Vận hành*” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

1.2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Trường Sư phạm trực thuộc Trường Đại học Vinh được thành lập theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập, tổ chức lại các đơn vị: Viện Sư phạm Tự nhiên, Viện Sư phạm xã hội, Khoa Giáo dục, Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm. Trường Sư phạm bao gồm các khoa đào tạo: Khoa Toán, Khoa Vật lý, Khoa Hóa học, Khoa Sinh học, Khoa Tin học, Khoa Ngữ văn, Khoa Lịch sử, Khoa Địa lý, Khoa Giáo dục Chính trị, Khoa Giáo dục Mầm non, Khoa Giáo dục Tiểu học, Khoa Tâm lý - Giáo dục và 1 trung tâm là Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm. Chức năng chính của Trường Sư phạm là đào tạo trình độ đại học và sau đại học các ngành đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cho các bậc học và nhân lực chuyên môn nghiệp vụ khác cho ngành giáo dục. Việc thành lập Trường Sư phạm cũng nhằm cải tiến mô hình đào tạo giáo viên từ năm 2021, phát triển hơn nữa ngành sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, giữ vững thương hiệu đào tạo sư phạm, khẳng định vị thế của Trường Đại học Vinh trong lĩnh vực đào tạo sư phạm, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, kỹ năng thực hành sư phạm cho sinh viên, đưa chương trình đào tạo của nhà trường đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục đại học Việt Nam, ngang tầm với khu vực và quốc tế.

Khoa Giáo dục Chính trị thuộc Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1986, đến nay thuộc Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh. Trải qua hơn 35 năm xây dựng và phát triển, ngành Giáo dục Chính trị đã đào tạo hàng ngàn cử nhân. Nhiều thế hệ học viên, sinh viên tốt nghiệp đóng góp to lớn cho sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước. Các thế hệ sinh viên ra trường rất tự tin, khẳng định bản lĩnh và trưởng thành trên nhiều cương vị công tác khác nhau. Ngành đã đào tạo ra nhiều thế hệ sinh viên, học viên làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, giảng viên trong các Học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp và giáo viên các trường phổ thông... Nhiều cựu sinh viên của ngành GDCT đã có học hàm, học vị cao và giữ vai trò cán bộ quản lý, lãnh đạo chủ chốt tại nhiều cơ quan, đơn vị, những giáo viên giỏi ở khắp mọi miền tổ quốc góp phần xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành một địa chỉ tin cậy, nơi tạo dựng tương lai của biết bao thế hệ sinh viên, học viên, khẳng định thương hiệu của ngành GDCT.

Những kết quả đó đã minh chứng sáng rõ cho sự thành công của Chương trình đào tạo và sự nỗ lực của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị trong quá trình lập thân, lập nghiệp. Trong giai đoạn mới, bối cảnh mới, cùng sự chuyên môn mạnh mẽ, vươn lên của

Trường Đại học Vinh, khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm quyết tâm nỗ lực không ngừng để đạt nhiều thành công hơn nữa.

Hiện nay, Khoa GDCT không chỉ đào tạo cử nhân GDCT mà còn đào tạo học viên cao học của chuyên ngành Lý luận và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị. Bên cạnh đó, Khoa còn đảm nhận công tác bồi dưỡng giáo viên, NCKH trong lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, hợp tác quốc tế và các hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương và trong cả nước. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp Trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung chương trình đào tạo để phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Vinh. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định sáng rõ, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể về kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hằng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hằng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu sinh viên, học viên... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành GDCT Trường Đại học Vinh bao gồm khối kiến thức đại cương, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực Chính trị và khoa học giáo dục phù hợp với chương trình đào tạo tiếp cận CDIO. Ngoài ra chương trình ngành GDCT còn có nhiều học phần giúp SV rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng

mềm. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lí thuyết, kĩ năng thực hành đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Chương trình được thiết kế đáp ứng các CĐR ngành GDCT; được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT nhằm đào tạo nguồn nhân lực có: (1) kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học giáo dục; kiến thức cơ bản và nâng cao về chính trị, kinh tế và pháp luật; (2) có năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông; (3) có năng lực nghiên cứu, sáng tạo để nâng cao trình độ, phát triển bản thân đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

Khoa GDCT có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lí, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Khoa GDCT đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong công tác. Khoa đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng tốt và xuất sắc. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường Đại học Vinh ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành GDCT và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lí bằng phần mềm hiện đại và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành GDCT có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá SV đã được xây dựng đúng quy hoạch và có chất lượng. Nhà trường đã thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, nhất là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin trong công tác quản lí, hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện môi trường học tập tốt nhất cho người học.

Để học tốt chương trình đào tạo đại học ngành GDCT, sinh viên cần: Xây dựng kế hoạch học tập khoa học, phát huy tự học; Học qua Hệ thống E-learning, sử dụng hệ thống LMS; Sử dụng thành thạo thư viện điện tử; Hình thành các kỹ năng tự học, làm việc nhóm; Chủ động tìm kiếm thông tin, khai thác các mạng dữ liệu, không gian mạng, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quá trình học tập.

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
2.	Mã số ngành đào tạo:	7140205
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Giáo dục Chính trị
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy - Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị nhằm đào tạo nguồn nhân lực có: (1) kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học giáo dục; kiến thức cơ bản và nâng cao về chính trị, kinh tế và pháp luật; (2) có năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông; (3) có năng lực nghiên cứu, sáng tạo để nâng cao trình độ, phát triển bản thân đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

PO1.	Áp dụng các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, khoa học giáo dục; kiến thức cơ bản và nâng cao lập luận ngành vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật;
PO2.	Áp dụng được các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục và dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật; hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành;
PO3:	Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và giao tiếp trong các hoạt động nghề nghiệp;
PO4:	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, phát triển các hoạt động dạy học, giáo dục, chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

[- Trình bày chuẩn đầu ra chương trình đào tạo - Cấp 2]

CDR	Mô tả Chuẩn đầu ra
-----	--------------------

PLO1.1.	Áp dụng kiến thức nền tảng khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào các hoạt động giáo dục, dạy học môn học và nghiên cứu khoa học
PLO1.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về lý luận chính trị, kinh tế và pháp luật vào hoạt động giáo dục, dạy học môn học ở trường phổ thông và các công việc có ứng dụng khoa học chuyên ngành
PLO1.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục và dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật vào hoạt động nghề nghiệp
PLO2.1.	Áp dụng các kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục, dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO2.2.	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục, dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO3.1.	Thực hiện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO3.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO4.1.	Phân tích bối cảnh xã hội, nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
PO1	✓	✓	✓						
PO2				✓	✓				
PO3						✓	✓		
PO4								✓	✓

- **Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT**

[Trình bày chuẩn đầu ra chương trình đào tạo - Cấp 3]

CDR	Mô tả Chuẩn đầu ra
PLO1.1.	Áp dụng kiến thức nền tảng khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào các hoạt động giáo dục, dạy học môn học và nghiên cứu khoa học
1.1.1.	Áp dụng kiến thức về chính trị và pháp luật
1.1.2.	Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn
PLO1.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về chính trị, kinh tế và pháp luật vào hoạt

	động giáo dục, dạy học môn học ở trường phổ thông và các công việc có ứng dụng khoa học chuyên ngành
1.2.1.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về chính trị
1.2.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế
1.2.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về pháp luật
PLO1.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục và dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật vào hoạt động nghề nghiệp
1.3.1.	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục
1.3.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về dạy học, kiểm tra đánh giá, phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật vào hoạt động nghề nghiệp
PLO2.1.	Áp dụng các kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục, dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
2.1.1.	Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và sáng tạo
2.1.2.	Thể hiện kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực
2.1.3.	Áp dụng kỹ năng sử dụng công nghệ
2.1.4.	Áp dụng kỹ năng giáo dục để rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục
PLO2.2.	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục, dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, nghiên cứu khoa học chuyên ngành
2.2.1.	Thể hiện đạo đức nhà giáo
2.2.2.	Thể hiện phong cách nhà giáo
PLO3.1.	Thực hiện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
3.1.1.	Thực hiện kỹ năng hợp tác trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
3.1.2.	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO3.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
3.2.1.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức
3.2.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cơ bản (bậc 3.6)
PLO4.1.	Phân tích bối cảnh xã hội, nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật
4.1.1.	Phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông để thực hiện quyền dân chủ và môi trường giáo dục thân thiện trong trường học, xây dựng văn hóa nhà trường
4.1.2.	Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật để phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
4.2.1.	Hình thành ý tưởng về hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
4.2.2.	Thiết kế hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

4.2.3.	Triển khai thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
4.2.4.	Cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành GDCT có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- ❖ Giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật tại các trường THPT
- ❖ Giảng dạy môn Giáo dục công dân tại các trường THCS
- ❖ Giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại các trường đại học và cao đẳng trong cả nước
- ❖ Làm việc trong các cơ quan quản lý giáo dục – đào tạo; các cơ quan, đoàn thể, tổ chức trong hệ thống chính trị như Ban tuyên giáo, tôn giáo, dân vận, văn hóa, du lịch, đoàn thanh niên...
- ❖ Cán bộ nghiên cứu chuyên sâu ở các Viện, Trung tâm, phòng ban nghiên cứu về chính trị
- ❖ Có cơ hội học tiếp các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ.

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp kỳ thi THPT Quốc gia
- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 20 - 40 sinh viên/năm.

Hình thức tuyển sinh và điều kiện nhập học tuân theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường Đại học Vinh, trong đó ngành Giáo dục Chính trị lấy kết quả thi trung học phổ thông quốc gia và xét theo các tổ hợp sau:

- ✓ **C00 : Văn - Sử - Địa**
- ✓ **D01: Toán - Văn - Tiếng Anh**
- ✓ **C19: Văn - Địa - Giáo dục công dân**
- ✓ **C20: Văn - Sử - Giáo dục công dân**

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, đặc biệt là văn bản cụ thể hóa quy chế trên của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- a) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ của CTĐT theo quy định;

- c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh, chứng chỉ Giáo dục thể chất;
- e) Đạt chuẩn đầu ra về Công nghệ thông tin, Ngoại ngữ và Kỹ năng mềm theo quy định;
- g) Hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định;
- h) Đối với trường hợp sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp (theo mẫu) gửi Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường (*qua phòng Đào tạo*).

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

[Liệt kê các hoạt động giảng dạy và học tập được sử dụng, ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập]

Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	
Thuyết trình	✓	✓	✓							
Hướng dẫn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tự học	✓	✓	✓					✓	✓	
Thảo luận	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Dạy học theo Đồ án	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Dạy học thực hành	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học được sử dụng là:

+ *Phương pháp thuyết trình*: Đây là một phương pháp dạy học cơ bản nhất ở đại học. Ở đây, mặc dù giảng viên là người truyền thụ kiến thức một cách trực tiếp nhưng giảng viên Ngành GDCT đã kết hợp PPDH này với nhiều PPDH khác để phát huy được tính tích cực, chủ động học tập của sinh viên thông qua việc đặt câu hỏi dẫn dắt khi diễn giải, lập luận, phân tích các nội dung, vấn đề học phần.

+ *Phương pháp vấn đáp - gợi mở*: Giảng viên không trực tiếp đưa ra những kiến thức ở dạng hoàn chỉnh mà hướng dẫn sinh viên tư duy từng bước một để các em tự tìm ra những kiến thức mới phải học, thông qua việc khéo léo đặt câu hỏi dẫn dắt sinh viên rút ra những kết luận mới, những tri thức mới.

+ *Phương pháp giải thích - minh họa*: Giảng viên kết hợp giữa lời nói và hình ảnh trực quan để giải thích, thông báo, truyền thụ tri thức, kỹ năng giúp sinh viên hứng thú trong học tập, ghi nhớ sâu, vận dụng tốt các kiến thức, kỹ năng được học vào giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

+ *Ôn tập, củng cố*: Đây là hình thức tổ chức dạy học cơ bản, với mục đích củng cố, đào sâu, mở rộng tri thức, rèn cho sinh viên những kỹ năng, kỹ xảo vận dụng tri thức đã học dưới các hình thức: làm bài tập tự luận, thảo luận...

+ *Dạy học hợp tác nhóm*: Giảng viên sử dụng các kỹ thuật dạy học hợp tác nhóm, đặc biệt là theo nhóm nhỏ. Giảng viên cụ thể hóa mục tiêu bài học thành các nhiệm vụ cho từng nhóm giảng viên. giảng viên quan sát sự tham gia tích cực đóng góp ý kiến của các cá nhân, biểu hiện thân thiện ủng hộ, chấp nhận ý kiến của các thành viên, việc điều hành công việc, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên.

+ *Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề*: Giảng viên đặt trước sinh viên những vấn đề nhận thức - học tập có chứa mâu thuẫn giữa cái đã cho và cái cần tìm, cần liên hệ đưa sinh viên vào tình huống có vấn đề như vấn đề của lý luận chính trị cơ bản, kiến thức chuyên sâu và nâng cao về phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật tạo cho sinh viên nhu cầu giải quyết vấn đề. Hướng dẫn hoạt động tìm kiếm và tiếp thu tri thức mới bằng con đường giải quyết (tự lực hay tập thể) vấn đề học tập một cách sáng tạo.

+ *Phương pháp dạy học theo dự án*: Đây là phương pháp dạy học tích cực, kích thích động cơ, hứng thú học tập của người học, phát huy tính độc lập, sáng tạo. Thực hiện một dự án học tập giúp ngoài học rèn luyện năng lực theo làm việc theo nhóm, vận dụng kiến thức lý thuyết, năng lực thiết kế, tổ chức, năng lực đánh giá, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin. Cùng với dạng dạy học dự án đó là triển khai các đề tài *Nghiên cứu khoa học*. Đây là hình thức tổ chức dạy học bắt buộc đối với sinh viên, trong đó sinh viên bước đầu vận dụng một cách tổng hợp những tri thức đã học về nghề nghiệp tương lai của mình để tiến hành hoạt động nhận thức có tính chất nghiên cứu, bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn nghề nghiệp đặt ra. Trên cơ sở đó, có thể đào sâu, mở rộng và hoàn thiện vốn hiểu biết của họ. Đối với CTĐT, nghiên cứu khoa học được sinh viên thực hiện trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục kinh tế và pháp luật dưới sự hướng dẫn của giảng viên chuyên ngành.

+ *Trải nghiệm*: Sinh viên được trải nghiệm các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp của mình như thực tế phổ thông, thực hành dạy học, thực tập sư phạm.

+ *Tự học*: Đây là hoạt động tự giác, có mục đích của cá nhân sinh viên, là sự huy động ở mức cao nhất tiềm năng trí tuệ, tình cảm và ý chí cá nhân để chiếm lĩnh kiến thức. Tự học có thể diễn ra ở trên lớp học và ngoài lớp học, có quan hệ chặt chẽ với hoạt động dạy học. Thông qua hệ thống LMS, giảng viên Ngành Giáo dục Chính trị có thể hỗ trợ sinh viên tự học.

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

[Liệt kê các hình thức đánh giá, tiêu chí đánh giá và mối liên hệ giữa các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT]

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Ý thức và thái độ học tập	Hồ sơ học tập	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hoạt động nhóm	Rubrics	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thi trắc nghiệm khách quan	Ngân hàng câu hỏi	✓	✓	✓						
Bài tập tự luận/ thảo luận	Đáp án/ Rubrics	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thi tự luận	Đáp án	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓
Dự án/Đồ án	Rubrics	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh*).

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra, phù hợp với CTĐT tiếp cận CDIO, tương thích với hình thức tổ chức dạy học kết hợp. Đánh giá việc học tập của sinh viên về các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, về các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống, và về kiến thức chuyên ngành.

*** Thang điểm và các thành phần đánh giá (đối với các học phần)**

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên			50%
A1.1	- Ý thức, thái độ học tập	- Rubric 1	
A1.2	- Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	
A1.3	- Seminar; nhóm trưởng nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Rubric 2	
A2. Thi trắc nghiệm khách quan			20%
A2.1	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	
A3. Đánh giá cuối kỳ			50%
A3.1	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ - Thi trắc nghiệm: TT Đảm bảo	- Đáp án	

	chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ - Tiểu luận: GV đánh giá và lưu hồ sơ - Dự án học phần	- Sản phẩm dự án học phần		
Công thức tính điểm tổng kết: $a = a1 \times 0.1 + a2 \times 0.2 + a3 \times 0.2 + a4 \times 0.5$. Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm đánh giá bài thi trắc nghiệm khách quan; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.				

Bảng 2.4. Bảng quy đổi điểm thang điểm 10 sang thang điểm 4 và mức độ đạt/không đạt tương ứng

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4	Ghi chú
A	8,5 – 10,0	4	Đạt
B+	8,0 – 8,4	3,5	Đạt
B	7,0 – 7,9	3	Đạt
C+	6,5 – 6,9	2,5	Đạt
C	5,5 – 6,4	2	Đạt
D+	5,0 – 5,4	1,5	Đạt
D	4,0 – 4,9	1	Đạt
F	< 4,0	0	Không đạt

2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

[Có 1 bảng/ mô tả đối sánh CTĐT này với 2 CTĐT khác thể hiện thông qua:

- Bảng đối sánh CĐR CTĐT (Cấp 2), hoặc
- Mô tả đối sánh.....]

BẢNG SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC

Chuyên ngành: Giáo dục Chính trị

(Dùng để tham khảo khi xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo bậc đại học năm 2021)

I. DANH MỤC TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÃ THAM KHẢO

1.1. CTĐT ngành: Sư phạm Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1.2. CTĐT ngành: Sư phạm Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Huế

1.3. CTĐT ngành: Sư phạm Giáo dục Chính trị - Trường Đại học SP TPHCM

II. SO SÁNH CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

	CTĐT 1	CTĐT 2	CTĐT 3	Nhận xét so sánh với CTĐT ngành GDCT, Trường ĐHV
	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Trường Đại học Huế - Đại học Sư phạm	Trường Đại học SP TPHCM	
2.1. MỤC TIÊU/ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				
Mục tiêu và vị trí công tác sau khi tốt nghiệp	Đào tạo giáo viên có khả năng giảng dạy tốt môn Giáo dục công dân ở các trường trung học phổ thông; giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ khoa học lý luận chính trị,... giảng dạy và nghiên	- Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các tri thức về các môn Lý luận chính trị (LLCT) ở đại học, cao đẳng, môn Giáo dục chính trị ở trung cấp và	- Đào tạo giáo viên trình độ cử nhân khoa học ngành Giáo dục Chính trị dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở các trường trung học phổ thông; các môn Giáo dục	So với CTĐT của cả 3 trường, CTĐT của Khoa GDCT trường ĐHV có mục tiêu đào tạo và xác định vị trí công tác của SV sau

	<p>cứ các môn khoa học Mác - Lênin, lý luận chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh ở trình độ đại học tại các trường đại học, học viện, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, các cơ quan lý luận, tổ chức chính trị - xã hội.</p> <p>- Cử nhân Giáo dục Chính trị có khả năng đảm nhận tốt nhiệm vụ của người cán bộ tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội,...</p> <p>- Có đủ khả năng tiếp tục phát triển chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ các môn khoa học Mác - Lênin, Triết học, Giáo dục Chính trị, Khoa học Chính trị, Lý luận Chính trị, Hồ Chí Minh học, Chính trị học, Mỹ học, Đạo đức học, Logic học, Tôn giáo học, Kinh tế học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,...</p>	<p>môn Giáo dục công dân (GDCC) ở trường phổ thông. Có đủ năng lực để giảng dạy các môn LLCT ở đại học, cao đẳng, môn Giáo dục chính trị ở trung cấp và môn GDCC ở trường phổ thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy các môn LLCT trong các trường đại học, cao đẳng; các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp quận/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh; các trường chính trị trực thuộc tỉnh hoặc Trung ương. - Giảng dạy môn GDCT trong các trường trung cấp chuyên nghiệp. - Giảng dạy môn GDCC ở trường THCS và môn Công dân với Tổ quốc ở trường THPT. - Tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, làm công tác chủ nhiệm lớp và các công tác khác ở trường phổ thông do Nhà trường giao. - Làm việc ở các viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ quan đảng, chính quyền, các đoàn thể hoặc tổ chức chính trị - xã hội. 	<p>chính trị, Giáo dục pháp luật ở các trường trung học nghề và các cơ sở giáo dục tương đương.</p> <p>- Làm công tác giáo dục và giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở các trường trung học phổ thông; các môn Giáo dục chính trị, Giáo dục pháp luật ở các trường trung học nghề và các cơ sở giáo dục tương đương.</p> <p>- Có trình độ và tiềm lực để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc học cao hơn thuộc các chuyên ngành: Triết học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lý luận và phương pháp dạy học các môn lý luận chính trị,...</p>	<p>khi tốt nghiệp có điểm tương đồng. Tuy nhiên, trong bản CTĐT được rà soát chỉnh sửa, CTĐT của Trường ĐHV thể hiện cụ thể, sáng rõ mục tiêu theo tiếp cận CDIO. Tập trung vào đào tạo GV giảng dạy bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở các trường trung học phổ thông.</p>
<p>Chuẩn đầu ra</p>	<p>1 Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất</p> <p>1.1 Tiêu chí 1.1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước</p> <p>1.2 Tiêu chí 1.2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học</p>	<p>PLO1. Phẩm chất nghề nghiệp</p> <p>PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân</p> <p>PLO1.2. Đạo đức và phong cách</p>	<p>PLO1. Phẩm chất</p> <p><i>Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân</i></p> <p><i>Phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp</i></p>	<p>CĐR của các CTĐT có nhiều điểm tương đồng trong xác định CĐR về phẩm chất, năng lực</p>

	<p>sinh</p> <p>1.3 Tiêu chí 1.3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học</p> <p>1.4 Tiêu chí 1.4: Trung thực và đáng tin cậy</p> <p>1.5 Tiêu chí 1.5: Trách nhiệm và tận tâm</p> <p>1.6 Tiêu chí 1.6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời</p> <p>2 Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung</p> <p>2.1 Tiêu chí 2.1: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi</p> <p>2.2 Tiêu chí 2.2: Năng lực giao tiếp và hợp tác</p> <p>2.3 Tiêu chí 2.3: Năng lực lãnh đạo</p> <p>2.4 Tiêu chí 2.4: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</p> <p>2.5 Tiêu chí 2.5: Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội</p> <p>2.6 Tiêu chí 2.6: Năng lực phản biện</p> <p>3 Tiêu chuẩn 3: Năng lực sự phạm</p> <p>3.1 Tiêu chí 3.1: Năng lực dạy học</p> <p>3.2 Tiêu chí 3.2: Năng lực giáo dục</p> <p>3.3 Tiêu chí 3.3: Năng lực</p>	<p>nhà giáo</p> <p>PLO2. Năng lực chung</p> <p>PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi</p> <p>PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác</p> <p>PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</p> <p>PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện</p> <p>PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp</p> <p>PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác</p> <p>PLO3. Năng lực chuyên môn</p> <p>PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành</p> <p>PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học</p> <p>PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành</p> <p>PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành</p> <p>PLO4. Năng lực nghề nghiệp</p> <p>PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục</p> <p>PLO4.2. Năng lực định hướng sự</p>	<p><i>Phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp</i></p> <p>PLO2. Năng lực chung</p> <p><i>Năng lực tự chủ</i></p> <p><i>Năng lực giao tiếp</i></p> <p><i>Năng lực hợp tác</i></p> <p>PLO3. Năng lực chuyên môn</p> <p><i>Vận dụng được kiến thức cơ bản, nền tảng về các môn khoa học lí luận chính trị vào hoạt động nhận thức và thực tiễn.</i></p> <p><i>Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về giáo dục kinh tế và pháp luật để giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề cơ bản về kinh tế và pháp luật từ góc độ khoa học giáo dục.</i></p> <p><i>Vận dụng được kiến thức cơ bản về đạo đức, văn hóa, an ninh quốc phòng, hội nhập quốc tế, về lí luận dạy học và một số lĩnh vực khoa học xã hội – nhân văn khác vào hoạt động nhận thức và thực tiễn.</i></p> <p>PLO4. Năng lực nghề nghiệp</p> <p><i>Năng lực hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục</i></p> <p><i>Năng lực phát triển chương trình, nghiên cứu, xây dựng và thực hành hoạt động giáo dục, dạy học</i></p> <p><i>Năng lực đánh giá</i></p>	<p>chung, năng lực chuyên môn và năng lực nghề nghiệp. So với CTĐT của các trường, thì CTĐT của Khoa GDCT, Trường ĐHV được xác định dựa trên các trụ cột CDIO, tiêu chuẩn Quốc gia về nghề nghiệp GVPT, bám sát các yêu cầu về đổi mới CTĐT theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học theo Chương trình giáo dục phổ thông môn GDCT (2018) của Bộ GD&ĐT và đáp ứng giảng dạy môn GD kinh tế & pháp luật ở THPT.</p> <p>- So với CTĐT của các trường ĐH thì CTĐT của Khoa GDCT, Trường ĐHV bổ sung một số năng lực cụ thể và cần thiết cho người học. Đặc biệt, so với CTĐT các trường thì CTĐT của</p>
--	--	---	---	---

	<p>định hướng sự phát triển học sinh</p> <p>3.4 Tiêu chí 3.4: Năng lực hoạt động xã hội</p> <p>3.5 Tiêu chí 3.5: Năng lực phát triển nghề nghiệp</p> <p>4 Tiêu chuẩn 4: Năng lực khoa học ngành Giáo dục chính trị</p> <p>4.1 Tiêu chí 4.1: Năng lực Giáo dục chính trị</p> <p>4.2 Tiêu chí 4.2: Năng lực hiểu và giải thích được chương trình các môn lí luận chính trị tại các cơ sở đào tạo</p> <p>4.3 Tiêu chí 4.3: Năng lực hiểu và vận dụng các tri thức Giáo dục chính trị và khoa học liên ngành vào thực tiễn</p>	<p>phát triển của người học</p> <p>PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp</p> <p>PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội</p>		<p>ngành GDCT, Trường ĐHV xác định rõ ràng theo quy trình CDIO: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp. Trong CTĐT đã thiết lập dạy học theo Dự án nhằm tăng các năng lực NCKH, kỹ năng mềm và khả năng ứng dụng của SV. Điều này phù hợp mục tiêu của Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục VN.</p>
2.3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO				
Thời gian: 4 năm	Thời gian: 4 năm	Thời gian: 4 năm	Thời gian: 4 năm	Thời gian: 4 năm. Thời gian đào tạo tương tự các trường.
2.4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH				
Đối tượng: HS	Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp	Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp	Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp	Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp

TN THPT trên cả nước	THPT trên cả nước. Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.	THPT trên cả nước Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.	THPT trên cả nước Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.	THPT trên cả nước. Đối tượng tương tự các trường.
2.5. CẤU TRÚC VÀ KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (tổng số tín chỉ từng phần)				
Thực hành, thực tập:	6	5	10	15 CTĐT của Khoa GDCT, Trường ĐHV tăng hơn về học phần thực hành/thực tập/trải nghiệm nghề nghiệp so với các trường đảm bảo theo hướng tạo điều kiện cho người học có nhiều thời gian tiếp cận với môi trường trường học nơi các em gắn bó sau khi tốt nghiệp.
Tổng số tín chỉ:	135 tín chỉ	130 tín chỉ	135 tín chỉ Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là 135 tín chỉ bao gồm các học phần bắt	126 tín chỉ Tổng số tín chỉ của CTĐT Trường ĐHV 126 TC, ít

			buộc và học phần tự chọn (chưa kể các nội dung về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng).	hơn so với CTĐT ở các trường so sánh.
--	--	--	--	---------------------------------------

III. KẾT LUẬN

Thông qua đối sánh các Chương trình đào tạo của các trường ĐH khá trong nước cho thấy, Chương trình đào tạo được rà soát, chỉnh sửa lần này của Khoa giáo dục Chính trị, Trường Đại học có nhiều điểm mới được bổ sung, phù hợp với hướng tiếp cận của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật. Chuẩn đầu ra tiếp cận theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, theo định hướng CDIO. Chương trình khung với cấu trúc phù hợp, nội dung môn học phong phú bám sát yêu cầu với sự đổi mới của Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 của Bộ GD&ĐT. Đặc biệt, CTĐT của ngành GDCT, Trường ĐHV xác định rõ ràng theo quy trình CDIO: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp. Trong CTĐT đã thiết lập tăng thời lượng thực hành/thực tế/thực tập, hoạt động trải nghiệm/ tìm hiểu thực tế phổ thông ngay từ năm thứ nhất nhằm rèn luyện nghề nghiệp/ tăng hứng thú học tập cho người học. Đồng thời, kết hợp dạy học học phần theo Dự án nhằm tăng các năng lực NCKH, kỹ năng mềm và khả năng ứng dụng của SV. Điều này góp phần thực hiện mục tiêu của Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục VN.

Một số điểm có thể xem xét điều chỉnh thông qua việc đối sánh, nếu được: Số lượng tín chỉ có thể tăng thêm vì các trường hầu hết từ 130-135 tín chỉ; có thể nghiên cứu bổ sung các học phần tự chọn để tăng tính phong phú trong chương trình đào tạo.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

[Trình bày cấu trúc chung của chương trình dạy học (CTDH), phân nhiệm nhóm học phần của CTDH tới CDR của CTĐT]

Nội dung Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị với tổng số 126 tín chỉ, gồm *khối kiến thức giáo dục đại cương* (có các học phần: Lý luận chính trị, ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin) gồm 22 tín chỉ (17,5%); *khối kiến thức khoa học giáo dục cơ bản* (có các học phần: Tâm lý học và Giáo dục học) gồm 7 tín chỉ (5,6%); *Kiến thức nền tảng ngành Sư phạm Xã hội* (có các học phần: Nhập môn ngành sư phạm, Lịch sử văn minh thế giới, Cơ sở Văn hóa Việt Nam, Môi trường và phát triển bền vững và các học phần tự chọn 1 và tự chọn 2) gồm 16 tín chỉ (12,7%); *Kiến thức cốt lõi, cơ sở ngành Giáo dục Chính trị* (có các học phần: Logic hình thức, Kinh tế phát triển, Đạo đức học, Luật Hiến pháp, Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin, Hệ thống pháp luật Việt Nam, Hệ thống chính trị Việt Nam, Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam) có 25 tín chỉ (19,8 %); *Kiến thức nâng cao ngành Giáo dục Chính trị* (có các học phần: Chuyên đề triết học, Chuyên đề kinh tế chính trị, Chuyên đề chủ nghĩa xã hội, Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, Văn hóa chính trị, Luật Quốc tế và học phần tự chọn 3 chuyên ngành) có 56 tín chỉ (44,4 %).

Với cấu trúc chương trình đào tạo như vậy sẽ giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, về ngành Sư phạm; có kiến thức cốt lõi và nâng cao ngành sư phạm Giáo dục Chính trị; có kỹ năng nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, phát triển Chương trình bộ môn ở nhà trường trung học phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm cao, phát triển phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp, có kỹ năng hoạt động trong nhà trường và xã hội để nhanh chóng thích ứng với thế giới việc làm nhằm phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Bảng 3.1. Ảnh xạ các mô-đun của CTDH với CĐR của CTĐT

Các mô-đun		Số TC	Tỉ lệ (%)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Giáo dục đại cương	1. Kiến thức giáo dục đại cương chung	22	17.5	✓			✓	✓				
	2. Kiến thức khoa học giáo dục cơ bản	7	5.6			✓	✓	✓			✓	✓
	3. Kiến thức nền tảng ngành Sư phạm Xã hội	16	12.7			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giáo dục chuyên nghiệp	4. Kiến thức cốt lõi, cơ sở ngành Giáo dục Chính trị	25	19.8	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	5. Kiến thức nâng cao ngành Giáo dục Chính trị	56	44.4	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓
Tổng		126		100								

3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 3.2.

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT

T T	Mã HP	Tên học phần	CĐR của CTĐT								
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
2	POL11001	Triết học Mác-Lênin	✓			✓	✓				
3	GEO20003	Môi trường và phát triển bền vững	✓			✓				✓	
4	POL30041	Kinh tế phát triển		✓		✓	✓			✓	
5	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	✓					✓		✓	
6	POL20001	Lôgic hình thức	✓			✓		✓			
7	POL11002	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	✓			✓	✓				
8	ENG10001	Tiếng Anh 1						✓	✓		
9	EDU21003	Tâm lý học			✓	✓	✓				
10	LIT21001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	✓			✓				✓	
11	POL30007	Đạo đức học		✓		✓	✓				

12	2. Tự chọn 1		✓			✓		✓			
	NAP11001	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (GDQP1)									
	NAP11002	Công tác quốc phòng và an ninh (GDQP 2)									
	NAP11003	Quân sự chung (GDQP3)									
	NAP11004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật (GDQP4)									
	SPO10001	Giáo dục thể chất									
13	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓			✓	✓				
14	ENG10002	Tiếng Anh 2						✓	✓		
15	EDU21006	Giáo dục học			✓	✓	✓		✓		
16	LAW21002	Luật Hiến pháp		✓		✓				✓	
17	INF21005	Ứng dụng ICT trong giáo dục				✓		✓	✓	✓	✓
18	POL30042	Hệ thống chính trị Việt Nam		✓		✓		✓			
19	POL31008	Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin		✓		✓					
20	POL11004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	✓			✓	✓				
21	POL30043	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		✓		✓				✓	
22	LAW30048	Hệ thống pháp luật Việt Nam		✓		✓		✓	✓	✓	✓
23	3. Tự chọn 2				✓	✓			✓		
24	POL11005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓			✓	✓				
25	POL31018	Chuyên đề triết học		✓		✓	✓	✓		✓	
26	POL31027	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học		✓		✓	✓	✓		✓	
27	POL30028	Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		✓		✓	✓	✓		✓	
28	POL30017	Chuyên đề kinh tế chính trị		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓
29	POL30029	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh		✓		✓	✓	✓		✓	
30	POL30044	Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật			✓	✓	✓			✓	✓
31	POL30045	Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật			✓	✓				✓	✓
32	POL31033	Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật			✓	✓		✓	✓	✓	✓
33	POL30046	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật			✓	✓		✓		✓	✓
34	POL30047	Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật				✓	✓	✓		✓	✓
35	POL31038	Văn hóa chính trị		✓		✓		✓	✓	✓	✓
36	LAW31017	Luật quốc tế		✓		✓		✓		✓	
37	4. Tự chọn 3				✓	✓		✓	✓		

38	POL31040	Thực tập và đồ án tốt nghiệp					✓	✓	✓	✓	✓	✓
----	----------	------------------------------	--	--	--	--	---	---	---	---	---	---

- Phân nhiệm giữa các học phần và CDR chi tiết của CTĐT

(Xem Phụ lục 3)

3.4. Kế hoạch giảng dạy

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TIẾP CẬN CDIO
Ngành: Giáo dục chính trị (Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Mã học phần	Tên học phần	STC	Số tiết						Phân kỳ	Mô đun	Loại học phần
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thực tế/Thực tập	Thảo luận/Bài tập	Đồ án học phần	Thực tập tốt nghiệp	Đồ án tốt nghiệp			
1. KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH BẮT BUỘC												
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm	3	15	0	0	30	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
2	POL11001	Triết học Mác-Lênin	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
3	GEO20003	Môi trường và phát triển bền vững	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
4	POL30041	Kinh tế phát triển	2	20	0	10	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
5	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
6	POL20001	Lôgic hình thức	3	30	0	15	0	0	0	1	GDCN	1.Bắt buộc
7	POL11002	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	2	20	0	10	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc
8	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30	0	15	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc
9	EDU21003	Tâm lý học	3	30	0	15	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc
10	LIT21001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	30	0	15	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc
11	POL30007	Đạo đức học	3	30	0	15	0	0	0	2	GDCN	1.Bắt buộc
12	2. Tự chọn 1		2							2	GDĐC	2.Tự chọn
	NAP11001	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (GDQP1)	(2)	30	0	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc
	NAP11002	Công tác quốc phòng và an ninh (GDQP 2)	(2)	30	0	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc
	NAP11003	Quân sự chung (GDQP3)	(2)	15	15	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc
	NAP11004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật (GDQP4)	(2)	4	26	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15	60	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc

13	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	0	10	0	0	0	3	GĐĐC	1.Bắt buộc	
14	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45	0	15	0	0	0	3	GĐĐC	1.Bắt buộc	
15	EDU21006	Giáo dục học	4	30	0	0	30	0	0	3	GĐĐC	1.Bắt buộc	
16	LAW21002	Luật Hiến pháp	3	30	0	15	0	0	0	3	GĐCN	1.Bắt buộc	
17	INF21005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	15	15	0	30	0	0	3	GĐĐC	1.Bắt buộc	
18	POL30042	Hệ thống chính trị Việt Nam	3	30	0	15	0	0	0	4	GĐCN	1.Bắt buộc	
19	POL31008	Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin	3	30	0	15	0	0	0	4	GĐCN	1.Bắt buộc	
20	POL11004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	0	10	0	0	0	4	GĐĐC	1.Bắt buộc	
21	POL30043	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	3	30	0	15	0	0	0	4	GĐCN	1.Bắt buộc	
22	LAW30048	Hệ thống pháp luật Việt Nam	5	45	0	0	30	0	0	4	GĐCN	1.Bắt buộc	
23	3. Tự chọn 2		2							4	GĐĐC	2.Tự chọn	
24	POL11005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	0	10	0	0	0	5	GĐĐC	1.Bắt buộc	
25	POL31018	Chuyên đề triết học	3	30	0	15	0	0	0	5	GĐCN	1.Bắt buộc	
26	POL31027	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học	3	30	0	15	0	0	0	5	GĐCN	1.Bắt buộc	
27	POL30028	Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	0	15	0	0	0	5	GĐCN	1.Bắt buộc	
28	POL30017	Chuyên đề kinh tế chính trị	5	30	0	0	45	0	0	5	GĐCN	1.Bắt buộc	
29	POL30029	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	3	30	0	15	0	0	0	6	GĐCN	1.Bắt buộc	
30	POL30044	Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	5	45	15	15	0	0	0	6	GĐCN	1.Bắt buộc	
31	POL30045	Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	4	30	15	15	0	0	0	6	GĐCN	1.Bắt buộc	
32	POL31033	Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	5	30	0	0	45	0	0	6	GĐCN	1.Bắt buộc	
33	POL30046	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	4	30	15	15	0	0	0	7	GĐCN	1.Bắt buộc	
34	POL30047	Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	4	0	60	0	0	0	0	7	GĐCN	1.Bắt buộc	
35	POL31038	Văn hóa chính trị	4	30	0	0	30	0	0	7	GĐCN	1.Bắt buộc	
36	LAW31017	Luật quốc tế	2	20	0	10	0	0	0	7	GĐCN	1.Bắt buộc	
37	4. Tự chọn 3		3							7	GĐCN	2.Tự chọn	
38	POL31040	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	8	0	0	0	0	75	4	5	8	GĐCN	1.Bắt buộc
	Cộng		126										
	Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 4 học phần)										GĐĐC	2.Tự chọn	
	POL20010	Nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	20	0	10	0	0	0	2	GĐĐC	2.Tự chọn	
	GEO20004	Địa lí chính trị	2	20	0	10	0	0	0	2	GĐĐC	2.Tự chọn	
	LIT20003	Nghệ thuật học đại cương	2	20	0	10	0	0	0	2	GĐĐC	2.Tự chọn	

	HIS20007	Lịch sử tư tưởng Phương Đông và Việt Nam	2	20	0	10	0	0	0	2	GĐĐC	2.Tự chọn
	Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 4 học phần)											
	LIT21004	Tạo lập văn bản đa phương thức	2	20	0	10	0	0	0	4	GĐĐC	2.Tự chọn
	EDU20011	Giao tiếp sư phạm	2	20	0	10	0	0	0	4	GĐĐC	2.Tự chọn
	POL21003	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	15	15	0	0	0	0	4	GĐĐC	2.Tự chọn
	HIS20008	Xây dựng văn hoá nhà trường THPT	2	20	0	10	0	0	0	4	GĐĐC	2.Tự chọn
	Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 5 học phần)											
	POL30047	Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn
	POL30030	Công tác Đảng và công tác đoàn thể	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn
	POL30050	Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn
	POL30051	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn
	POL30048	Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo trong ngành Giáo dục chính trị	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn

3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học
(Xem phụ lục ma trận kỹ năng)

3.6. Ma trận kỹ năng

(Xem phụ lục ma trận kỹ năng)

PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. POL11001: Triết học Mác-Lênin

Mô tả học phần:

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc đại học. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản vấn đề triết học và triết học Mác – Lênin, là nền tảng để sinh viên có các quan điểm, lập trường duy vật biện chứng để tiếp thu kiến thức các học phần chuyên ngành. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần:

- Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.
- Hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.
- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	2.0	Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	3.0	Áp dụng lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần
CLO2.1 ...	3.0	Thể hiện hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng	Tự học, Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO2.2	3.0	Có khả năng vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn; phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa nghĩa duy vật trước C.Mác	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần

2. POL11002: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Mô tả học phần:

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học. Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp

phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần:

- **CO1:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- **CO2:** Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- **CO3:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3 (2.5)	Giải thích được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	K3 (3.0)	Vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.	Thuyết trình; Thảo luận	Trắc nghiệm; Hồ sơ học tập
CLO2.1	A3 (3.0)	Thể hiện bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	Tự học; Làm việc nhóm	Quan sát; Hồ sơ học tập
CLO3.1	S2 (2.5)	Có khả năng phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị	Thảo luận; Làm việc nhóm	Hồ sơ học tập

3. POL11003: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần:

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.

- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần	Mức độ năng lực CDR	Mô tả CDR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
--------------	---------------------	-----------	---------------------	----------------------

	học phần			
CLO1.1	2.0	Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	3.0	Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần
CLO2.1 ...	3.0	Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Tự học, Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO2.2	3.0	Có khả năng phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần

4. POL11004: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần:

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của các ngành đào tạo. Học phần trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

Mục tiêu học phần:

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.0	Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO2.1	3.0	Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Tự học; Thảo luận.	Hồ sơ học tập
CLO2.2	3.0	Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.	Thảo luận	Hồ sơ học tập

5. POL10002: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

CO1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

CO2: Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

CO3: Rèn luyện được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích được</i> nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	<i>Giải thích được</i> định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	A4	<i>Bồi dưỡng được</i> bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.	Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	<i>Rèn luyện được</i> kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.	Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá

6. ENG10001: Tiếng Anh 1

Mô tả học phần: Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan

hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
CO1	Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản	PLO3.1	2.0
CO2	Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản	POL3.1	3.0
CO3	Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng tiếng Anh về các chủ đề chủ đề quen thuộc, phát triển các hoạt động giao tiếp hiệu quả	POL3.1	3.0

Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
O1	CLO1.1 Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	I, T
	CLO1.2 Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày	I, T
	CLO1.3 Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ	T, U
	CLO1.4 Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
	CLO1.5 Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
O2	CLO2.1 Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	I, T
	CLO2.2 Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
	CLO2.3 Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	U
	CLO2.4 Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp	T, U

		về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày	
	G2.5	Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu	I
O3	CLO3.1	Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên	I, T
	CLO3.2	Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm	T, U
	CLO3.3	Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn	U
	CLO3.4	Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng tiếng Anh (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày	T, U
	CLO3.5	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc	U

7. ENG10002: Tiếng Anh 2

Mô tả học phần: Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả	Chuẩn đầu ra CTĐT	TĐNL
<i>(Học phần này trang bị cho sinh viên:)</i>			
CO1	Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp.	PLO 3.1	3.0
CO2	Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3.	PLO 3.1	3.0
CO3	Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh	POL 3.1	3.0

Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy
------------------------	------------------	---------------------

			(I,T,U) (3)
CO1	CLO1.1	Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: <i>verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiện; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.</i>	I, T
	CLO1.2	Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	I, T
	CLO1.3	Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.	T, U
	CLO1.4	Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	T, U
	CLO1.5	Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	T, U
	CLO1.6	Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn , viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề (<i>du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chỉ tiêu</i>)	T, U
CO2	CLO2.1	Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	I, T
	CLO2.2	Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	T, U
	CLO2.3	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh	T, U
	CLO2.4	Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp	T, U
	CLO2.5	Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu	T, U
CO3	CLOG3.1	Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp	I, T
	CLO3.2	Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp	T, U
	CLO3.3	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc	U
	CLO3.4	Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh	U

8. INF20005: Ứng dụng ICT trong giáo dục

Mô tả học phần: Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trang bị các kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông cho sinh viên hệ Cử nhân Sư phạm. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng linh hoạt thích ứng trong thời đại kỹ nguyên số, sử dụng hiểu biết và các kỹ năng đó như là công cụ để học tập và nghiên cứu nội dung các môn học tiếp theo, ứng dụng hiệu quả kiến thức ICT trong công việc giảng dạy sau này.

Mục tiêu học phần: Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trình bày tổng quan về ICT, chuyển đổi số trong giáo dục; Phần mềm xây dựng bài giảng điện tử; Quy trình xây dựng học liệu số; Ứng dụng LMS trong hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá; Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin trong hỗ trợ dạy học; Quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch làm đề tài đồ án liên quan đến ngành học; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để ứng dụng ICT đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích</i> các khái niệm cơ bản về ICT trong bối cảnh chuyển đổi số trường học	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	K3	<i>Trình bày</i> vai trò của ICT và chuyển đổi số trong giáo dục	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO2.1	S3	<i>Thể hiện</i> khả năng tìm kiếm, tổng hợp thông tin từ Internet và nhiều nguồn khác nhau để xây dựng bài giảng điện tử	Thực hành	Kiểm tra thực hành
CLO2.2	S3	<i>Hình thành</i> các bước ứng dụng ICT trong xây dựng bài giảng điện tử	Thực hành	Kiểm tra thực hành
CLO2.3	S3	<i>Thể hiện</i> kỹ năng kết nối và sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm trong việc nâng cao hiệu quả dạy học	Thực hành	Kiểm tra thực hành
CLO3.1	S3	<i>Thể hiện</i> khả năng hình thành và tổ chức hiệu quả các hoạt động nhóm	Dạy học theo đồ án/dự án	Bảo vệ đồ án
CLO3.2	S3	<i>Thể hiện</i> kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình vấn đề thuyết phục	Dạy học theo đồ án/dự án	Bảo vệ đồ án
CLO4.1	C3	<i>Hình thành</i> ý tưởng xây dựng học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học	Dạy học theo đồ án/dự án	Bảo vệ đồ án
CLO4.2	C3	<i>Thiết kế</i> học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học	Dạy học theo đồ án/dự án	Bảo vệ đồ án

CLO5	A2	Thể hiện đạo đức, tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong thời đại số.	Thuyết trình & hoạt động nhóm	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
------	----	---	-------------------------------	-----------------------------

9. EDU21003: Tâm lý học

Mô tả học phần: Học phần Tâm lý học có vị trí rất quan trọng trong Chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần cung cấp cơ sở tâm lí để hình thành tri thức, rèn luyện các kĩ năng, các giá trị, phẩm chất và phát triển năng lực nghề dạy học cho sinh viên, giúp sinh viên hoạt động có hiệu quả trong dạy học, giáo dục và tư vấn, hỗ trợ học sinh.

Mục tiêu học phần: Học phần Tâm lý học khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản, nền tảng về khoa học tâm lý, về cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học, giáo dục, về cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp, về cơ sở tâm lý của việc xây dựng môi trường giáo dục, cơ sở tâm lý của xây dựng mối quan hệ giao tiếp, ứng xử trong và ngoài nhà trường. Người học có khả năng vận dụng vào việc hình thành, trau dồi phẩm chất nhà giáo, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh, đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục. Từ đó người học xác định được vai trò, trách nhiệm của người giáo viên, thực hiện dạy học, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp cho học sinh một cách hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày những kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý (bản chất, chức năng, phân loại; nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý).	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.1
CLO1.2	K3	Giải thích được nguyên lý và quy luật của sự hình thành, phát triển tâm lý.	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.2
CLO1.3	K3	Diễn đạt được mối quan hệ giữa nhận thức - tình cảm - ý chí trong hành động và cuộc sống con người.	Thuyết trình, bài tập, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.3
CLO1.4	K3	Phân tích được cơ sở tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục.	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.4
CLO1.5	K3	Phân tích được cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp.	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.5
CLO1.6	K3	Phân tích các điều kiện thể chất, xã hội của học sinh và sự phát triển tâm lý theo lứa tuổi để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong học tập, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.6
CLO2.1	S2	Kỹ năng hiểu và đánh giá đúng trình độ học sinh để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học.	Làm việc	Sản phẩm nhóm

			nhóm, tự học	
CLO2.2	S2	Hình thành được kỹ năng thiết kế bài dạy: xác định mục đích bài dạy, nội dung dạy và học, phương tiện dạy và học, phương pháp dạy, quá trình thực hiện bài dạy.	Làm việc nhóm, tự học	Sản phẩm nhóm
CLO2.3	A2	Hình thành được lối sống đạo đức cho học sinh từ hệ thống các yếu tố tâm lý (tri thức đạo đức, niềm tin đạo đức, động cơ đạo đức, tình cảm đạo đức, ý chí đạo đức, thói quen đạo đức)	Nghiên cứu tình huống	Thực hành
CLO3.1	S2	Vận dụng các kỹ năng giao tiếp (kỹ năng định hướng giao tiếp, kỹ năng nhận biết đối tượng, kỹ năng định vị, kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp) trong việc giải quyết các nhiệm vụ.	Nghiên cứu tình huống	Thực hành

10. EDU20006: Giáo dục học

Mô tả học phần: Học phần *Giáo dục học* là học phần căn bản của Chương trình đào tạo Sư phạm. Học phần cung cấp những kiến thức nền về phương thức vận hành nhà trường, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực cơ bản của người giáo viên. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, được thiết kế những tiết dạy cùng đội nhóm, được tranh biện về những tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, Sao nhi đồng... Được thử thách, khám phá năng lực sư phạm của bản thân và được cố vấn để hoàn thiện những năng lực đó.

Mục tiêu học phần: Trên cơ sở giải thích được quy tắc vận hành nhà trường trong hệ thống GDQD; phân tích được vai trò của giáo dục, sứ mệnh người thầy giáo; phân tích được phương thức tổ chức hoạt động dạy học; thực hiện được nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp, phụ trách Đoàn, Đội, Sao nhi đồng ... người học có thể phát triển được chương trình GD quốc gia vào hoạt động nhà trường. Những năng lực trên được hình thành khi người học tích cực, nghiêm túc, sáng tạo tương tác trực tiếp hoặc trực tuyến với giảng viên với đồng đội.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR hp	TĐNL	Mô tả	PPDH	Đánh giá
CLO1.1	K3	Phân tích được kế hoạch DH, PPDH, kiểm tra – đánh giá, phát triển chương trình môn học	Thuyết giảng Thảo luận	1.2.2
CLO1.2	K3	Phân tích được cách thức thực hiện các hoạt động GD, trải nghiệm, hướng nghiệp và văn hóa nhà trường trong công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng	Thuyết giảng Thảo luận	1.2.3
CLO2.1	S2	Giải thích được các tình huống dạy học và giáo dục (công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng)	hoạt động nhóm	2.1.1
CLO2.2	S2	- Lập được kế hoạch dạy học cho tiết học/tuần/học kỳ/năm học; thiết kế được bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mẫu	hoạt động nhóm	2.1.4
CLO2.3	S3	Đề xuất được biện pháp thực hiện kế hoạch chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng cho từng hoạt động/tháng/học kỳ/năm học	hoạt động nhóm	2.1.5
CLO2.4	A2	Nghiêm túc, tích cực, hợp tác	hoạt động nhóm	2.2.2

CLO3.1	S2	Ứng xử phù hợp với các tình huống sư phạm giả định	hoạt động nhóm	3.1.1
CLO3.2	S2	Lựa chọn được phương tiện dạy học, giáo dục phù hợp	Thuyết giảng Thảo luận	3.2.1

11. PED20002: Nhập môn ngành sư phạm

Mô tả học phần: Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* là học phần học đầu tiên trong khối kiến thức khoa học giáo dục của Chương trình đào tạo Giáo dục Chính trị. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự tin và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

Mục tiêu học phần: Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* trình bày khái quát về ngành Sư phạm, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị; quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật, đáp ứng yêu cầu công việc và bồi dưỡng nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K2	Trình bày khái quát về ngành sư phạm, hệ thống giáo dục và những đổi mới về giáo dục phổ thông của Việt Nam; phẩm chất, năng lực về dạy học và giáo dục của giáo viên phổ thông.	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K2	Trình bày mục tiêu, những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS trong Chương trình GDPT môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Kinh tế và pháp luật.	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Thể hiện tư duy hệ thống và tư duy sáng tạo thông qua việc lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực trong quá trình học, trải nghiệm thực tế ở trường phổ thông.	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A2	Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giáo trong trường phổ thông.	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra.	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

CLO3.2	S2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần.	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C2	Nhận diện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông và vai trò của giáo viên môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật trong hoạt động dạy học và giáo dục.	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C2	Hình thành ý tưởng cho trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.3	C2	Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.4	C2	Thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.5	C2	Đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

12. HIS20003: Lịch sử văn minh thế giới

Mô tả học phần:

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về văn hoá, văn minh, các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại; Các nền văn minh phương Đông cổ trung đại như văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Quốc, văn minh A Rập; Các nền văn minh tiêu biểu ở phương Tây cổ đại như văn minh Hy Lạp, văn minh La Mã, văn minh Tây Âu thời trung đại; Về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh thông tin; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc...

Mục tiêu học phần:

Học phần giúp người học có những kiến thức cơ bản về các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại; các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới qua các giai đoạn. Trên cơ sở đó góp phần hình thành ở người học kỹ năng tự học, giao tiếp, hợp tác. Chuẩn đầu ra học phần.

Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1.1. Trình bày được khái niệm văn hoá, văn minh, các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại

CLO1.2. Phác hoạ được các nét khái quát về các nền văn minh tiêu biểu

CLO 1.3. Phân tích được mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

CLO2.1. Thể hiện được kỹ năng tự học

CLO2.2. Thể hiện được phong cách nhà giáo

13. LIT20006: Cơ sở Văn hóa Việt Nam

Mô tả học phần:

Mục tiêu học phần:

Chuẩn đầu ra học phần:

14. GEO20003: Môi trường và phát triển bền vững*Mô tả học phần:**Mục tiêu học phần:**Chuẩn đầu ra học phần:***15. Tự chọn 1:****15.1. GEO20004: Địa lí chính trị***Mô tả học phần:**Mục tiêu học phần:**Chuẩn đầu ra học phần:***15.2. HIS20007: Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam****15.3. LIT21003: Nghệ thuật học đại cương***Mô tả học phần:**Mục tiêu học phần:**Chuẩn đầu ra học phần:***15.4. POL20005: Nhà nước và pháp luật Việt Nam**

Mô tả học phần: Học phần Nhà nước và pháp luật Việt Nam thuộc khối kiến thức tự chọn. Học phần giúp người học hiểu được lịch sử hình thành và phát triển Nhà nước và Pháp luật Việt Nam từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện và áp dụng vào giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật tại trường Trung học phổ thông.

Mục tiêu học phần:

- Nắm biết được các kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc cho đến các giai đoạn phát triển của lịch sử; So sánh và phân tích được những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như của pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của lịch sử; Nhận thức và lý giải được những nguyên nhân đã dẫn đến sự hình thành, thay đổi của những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. Trên cơ sở đó, góp phần kế thừa và phát huy bản sắc, văn hóa pháp lý của dân tộc.

- Môn học bồi dưỡng cho học viên năng lực tư duy, phương pháp để nghiên cứu về hiện tượng nhà nước và pháp luật trong quá trình phát sinh, vận động phát triển của nó. Từ đó tạo khả năng tổng kết thực tiễn, đề xuất các giải pháp xây dựng nhà nước, pháp luật Việt Nam, nâng cao nhận thức về bản chất ưu việt, tiên tiến của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- Môn học giúp học viên nâng cao trách nhiệm trong việc xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện đổi mới (cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội) ở Việt Nam, trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu (COx)	CDR	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CO1	CLO1.1	K3	<i>Nhận biết</i> được các kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc cho đến các giai đoạn phát triển của lịch sử.	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Hồ sơ học tập/Câu hỏi TNKQ
	CLO1.2	K3	<i>So sánh</i> được những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như của pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn	Bài tập/Thảo luận/tự	Quan sát/ vấn đáp, Bảng

			phát triển của lịch sử.	học	kiểm/ Câu hỏi tự luận/ Phiếu đánh giá
CO4	CLO2.1	S3	<i>Phân tích</i> và lý giải được những nguyên nhân đã dẫn đến sự hình thành, thay đổi của những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. Trên cơ sở đó, góp phần kế thừa và phát huy bản sắc, văn hóa pháp lý của dân tộc.	Bài tập/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/Phiếu đánh giá

16. Tự chọn 2

16.1. EDU21011: Giao tiếp sư phạm

Mô tả học phần:

Mục tiêu học phần:

Chuẩn đầu ra học phần:

16.2. LIT21004: Tạo lập văn bản đa phương thức

Mô tả học phần:

Mục tiêu học phần:

Chuẩn đầu ra học phần:

16.3. POL21003: Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Mô tả học phần: Học phần “Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp” là học phần tự chọn đối với sinh viên các ngành sư phạm xã hội, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và năng lực cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, trên cơ sở đó giúp sinh viên phát triển được kỹ năng thiết kế và sử dụng các phương pháp, hình thức để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với môn học ở nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Mục tiêu học phần: Học phần này giúp sinh viên kiến thức về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông trên cơ sở đó sinh viên có thể áp dụng các kiến thức về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Sinh viên có kỹ năng hình thành và phát triển nhóm, thực hiện được các phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm. Đồng thời sinh viên có khả năng sáng tạo và thích ứng với các môi trường hoạt động.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	<i>Trình bày</i> được các nội dung cơ bản của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.	- Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp	Câu hỏi trắc nghiệm trên azota.vn
CLO1.2	K4	Hiểu và xác định được nội dung, phương pháp hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.	- Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp	Bài Thi Rubrics số 2
CLO1.3	K4	Hiểu được hình thức tổ	- Thuyết trình trên	Bài tập nộp

		chức và đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	elearning (Scorm) - Giảng trên lớp	trên LMS Rubrics số 1
CLO2.1	S4	Góp phần nâng cao năng lực tư duy trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.	- Seminar - Thực hành	Rubrics số 3
CLO2.2	S4	Thiết kế, triển khai kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với môn học.	- Seminar - Thực hành	
CLO3.1	S4	Hình thành kỹ năng thiết lập mối quan hệ trong nhà trường, gia đình học sinh và xã hội để tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh	- Seminar - Thực hành	

16.4. HIS20008: Xây dựng văn hóa nhà trường THPT

Mô tả học phần:

Mục tiêu học phần:

Chuẩn đầu ra học phần:

17. POL20001: Logic hình thức

Mô tả học phần: Logic hình thức là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần này nghiên cứu các hình thức cơ bản của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và 4 qui luật cơ bản của tư duy. Việc nghiên cứu, học tập Logic hình thức là cần thiết bởi đây là một trong những môn khoa học có vai trò to lớn trong việc giúp con người có khả năng tư duy logic một cách tự giác. Nghiên cứu Logic hình thức giúp người học nâng cao khả năng phán đoán, suy luận, phát hiện ra những sai lầm, ngụy biện trong tư duy của bản thân và người khác. Nghiên cứu Logic hình thức cũng góp phần trang bị những công cụ nhận thức hết sức quan trọng để con người có thể đi sâu nghiên cứu trong những lĩnh vực khoa học cụ thể. Việc có được trình độ cao về logic hình thức, hiểu biết sâu sắc về các quy luật, qui tắc lôgic sẽ giúp chúng ta trình bày ý kiến, lập luận của mình một cách chặt chẽ, mạch lạc, thuyết phục hơn

Mục tiêu học phần:

- Sinh viên hiểu và giải thích được các nội dung kiến thức cơ bản của môn học như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, các quy luật của tư duy như quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ.

- Môn học góp phần quan trọng trong việc rèn luyện khả năng, kỹ năng tư duy logic mà cụ thể là các thao tác tư duy với khái niệm, kỹ năng phán đoán, suy luận, chứng minh. Môn học còn giúp sinh viên áp dụng các kỹ năng này vào việc nghiên cứu, học tập các môn khoa học khác cũng như vận dụng trong thực tiễn nhận thức, trình bày, tranh luận, hùng biện... trong cuộc sống thường ngày. Từ đó nâng cao khả năng nhận thức và tư duy cho người học.

- Việc hiểu rõ bản chất của tư duy và tư duy logic sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập các môn khác cũng như làm tăng lòng say mê nghiên cứu khoa học, thúc đẩy ham muốn tìm tòi, khám phá, sáng tạo ở người học.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu	TĐNL CDR	Mô tả mục tiêu	Phương pháp	Phương
----------	----------	----------------	-------------	--------

(Gx) (1)	học phần	(2)	dạy học	pháp đánh giá
CLO 1.1	2.0	Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Logic hình thức. Giải thích được những vấn đề chung về khái niệm.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần
CLO 1.3	3.0	Giải thích được những vấn đề chung về phán đoán; Trình bày được nội dung quy luật đồng nhất; quy luật cấm mâu thuẫn; quy luật loại trừ cái thứ ba; quy luật lý do đầy đủ.	Tự học, Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO 1.4	4.0	Giải thích được những vấn đề chung về suy luận và những vấn đề chung về chứng minh.	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO 2.1	3.0	Vận dụng, thực hành được các thao tác tư duy với khái niệm. Có kỹ năng phán đoán, suy luận, chứng minh mạch lạc, logic, vận dụng được các kỹ năng này vào thực tiễn.	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO 2.5	3.0	Có khả năng nhận thức đúng đắn về vai trò của tư duy logic, vận dụng được các kiến thức và kỹ năng tư duy logic trong học tập và nghiên cứu các khoa học chuyên ngành.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần

18. POL30041: Kinh tế phát triển

Mô tả học phần: Kinh tế phát triển là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành Giáo dục chính trị. Học phần có 5 chương, bao gồm hệ thống tri thức khoa học về phát triển kinh tế; tăng trưởng kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tiến bộ, công bằng xã hội; các nguồn lực phát triển kinh tế với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với tiến bộ, công bằng xã hội. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế, rèn luyện ý thức tự học cho sinh viên thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần, từ đó góp phần rèn luyện kỹ năng tư duy hệ thống trong phân tích và giải quyết vấn đề, hình thành ý tưởng thiết kế nội dung dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông cho sinh viên

Mục tiêu học phần:

- **CO1:** Sinh viên hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển trong nghiên cứu và dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông.
- **CO2:** Bồi dưỡng kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông.
- **CO3:** Rèn luyện ý thức tự học cho sinh viên thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần Kinh tế phát triển.

- **CO4:** Hình thành ý tưởng thiết kế nội dung dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông cho sinh viên trên cơ sở vận dụng kiến thức cơ bản của kinh tế phát triển.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3 (3.0)	Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản của kinh tế phát triển vào hoạt động giáo dục, dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông.	-Thuyết giảng -Thảo luận	Trắc nghiệm Tự luận
CLO2.1	S3 (3.0)	Thể hiện kỹ năng tư duy hệ thống trong phân tích và giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông.	-Thuyết giảng -Tự học; -Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần; Trắc nghiệm; Tự luận
CLO3.1	A3 (3.0)	Thể hiện được ý thức tự học, tự rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn	- Tự học - Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO4.1	C3 (3.0)	Hình thành ý tưởng thiết kế nội dung dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông thông qua việc vận dụng được kiến thức cơ bản của kinh tế phát triển.	- Nghiên cứu tình huống - Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần

19. POL30007: Đạo đức học

Mô tả học phần: Học phần Đạo đức học là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm Giáo dục chính trị, được giảng dạy ở học kỳ 2 trong tổng thể chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ, bao gồm những lý luận chung về đạo đức và đạo đức học, về đạo đức nhà giáo và giới thiệu về nội dung giảng dạy đạo đức cơ bản trong chương trình phổ thông mới. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống đạo đức trong thực tiễn, xây dựng đạo đức mới trong học tập và lao động, nắm được sơ lược các nội dung giảng dạy đạo đức trong chương trình phổ thông. Trong phạm vi nghiên cứu của đề cương học phần, các quan điểm đều đứng trên lập trường duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Mục tiêu học phần: Học phần Đạo đức học giúp sinh viên giải thích được các kiến thức cơ bản về đạo đức học, hình thành kỹ năng rèn luyện đạo đức cá nhân phù hợp với các chuẩn mực đạo đức con người mới xã hội chủ nghĩa, bước đầu rèn luyện kỹ năng điều chỉnh hành vi trong giao tiếp hướng tới tính mô phạm trong giao tiếp sư phạm. Đồng thời, học phần giúp sinh viên thể hiện thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện giáo dục hướng nghiệp dưới mái trường Sư phạm – trường Đại học Vinh, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích các vấn đề thực tiễn đạo đức và giáo dục đạo đức.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.0 (K3)	Giải thích và phân tích được kiến thức cơ bản của đạo đức học	Thuyết trình Thảo luận	Trắc nghiệm Hồ sơ học tập
CLO2.1	3.0	Hình thành kỹ năng điều chỉnh		Hồ sơ học tập

	(A3)	hành vi cá nhân phù hợp với chuẩn mực đạo đức mới, xây dựng thái độ nghiêm túc, cầu thị trong quá trình thực hiện giáo dục hướng nghiệp	Bài tập, làm việc nhóm	
CLO3.1	3.0 (A3)	<i>Có năng lực</i> giao tiếp, ứng xử đúng mực bộc lộ tư duy hướng thiện; lối sống lành mạnh, tác phong mẫu mực của người giáo viên.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học phần
CLO4.1	3.5 (S3)	<i>Có năng lực</i> phân tích các vấn đề thực tiễn đạo đức và giáo dục đạo đức	Thuyết trình, bài tập	Trắc nghiệm Bài tập lớn

20. LAW31006: Luật Hiến pháp

Mô tả học phần: Luật Hiến pháp là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế, Quản lý nhà nước. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và quan trọng nhất về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giúp sinh viên có khả năng đánh giá các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và thế giới.

Mục tiêu học phần: Học phần được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng các kiến thức pháp luật cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên tư duy hệ thống, tư duy phản biện các vấn đề có liên quan.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	3	<i>Hiểu</i> , nhận diện những vấn đề cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp	Hỏi đáp, thuyết giảng	Trắc nghiệm
CLO 2	3	<i>Hiểu</i> những kiến thức cơ bản về các bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến Việt Nam	Hỏi đáp, thuyết giảng	Trắc nghiệm
CLO3	3	<i>Hiểu</i> kiến thức chế độ chính trị, kinh tế, xã hội	Hỏi đáp, thuyết giảng	Trắc nghiệm, Tự luận
CLO 4	4	<i>Hiểu, áp dụng</i> kiến thức quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam	Hỏi đáp, thuyết giảng, hoạt động nhóm	Trắc nghiệm, Tự luận, Bài tập nhóm
CLO5	3	<i>Hiểu</i> kiến thức về Quốc hội	Hỏi đáp, thuyết giảng	Tự luận
CLO6	3	<i>Hiểu</i> kiến thức về Chủ tịch nước	Hỏi đáp, thuyết giảng	Tự luận
CLO7	3	<i>Hiểu</i> kiến thức về Chính phủ	Hỏi đáp, thuyết giảng	Tự luận

CLO8	4	Hiểu kiến thức về Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và <i>Thực hiện</i> đặt vấn đề trong bối cảnh tổ chức và hoạt động của các cơ quan trên trong thực tế	Hỏi đáp, thuyết giảng, hoạt động nhóm	Tự luận
CLO9	4	Hiểu kiến thức về Chính quyền địa phương và <i>Thực hiện</i> hoạt động đánh giá tổ chức và hoạt động của các cơ quan trên trong thực tế	Hỏi đáp, thuyết giảng, hoạt động nhóm	Tự luận, Bài tập cá nhân

21. POL31008: Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin

Mô tả học phần: Giới thiệu tác phẩm Mác - Lênin là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Giáo dục chính trị, được thực hiện trong học kỳ 4. Học phần gồm 7 tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Qua đó giúp người học nắm được một cách có hệ thống lịch sử hình thành, phát triển cũng như nội dung cơ bản và ý nghĩa của các tư tưởng về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm hình thành năng lực vận dụng để giảng dạy có hiệu quả chương trình Giáo dục công dân ở bậc THPT cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị sau khi ra trường; đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các các vấn đề của đời sống chính trị xã hội, bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần:

- **CO1:** Sinh viên hiểu và áp dụng được những quan điểm về lý luận chính trị, kinh tế C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin trong một số tác phẩm tiêu biểu vào hoạt động giáo dục, dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông.
- **CO2:** Rèn luyện cho sinh viên tư duy logic, kỹ năng phân tích các vấn đề chính trị, kinh tế, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề của đời sống kinh tế, chính trị xã hội.
- **CO3:** Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4 (3.5)	Phân tích được giá trị những góp quan trọng của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin trong phát triển lý luận về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học trong các tác phẩm tiêu biểu.	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Hồ sơ học phần - Bài tự luận
CLO1.2	K4 (3.5)	Áp dụng được những quan điểm về kinh tế chính trị của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin vào hoạt động giáo dục, dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông.	- Thảo luận nhóm	- Bài tự luận - Hồ sơ học phần
CLO2.1	S3 (3.4)	Thể hiện tư duy logic, kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề chính trị, kinh tế; có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề của đời sống kinh tế, chính trị xã hội.	- Thảo luận nhóm	- Hồ sơ học phần; - Quan sát

CLO3.1	A3 (3.0)	<i>Thể hiện</i> phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	- Thảo luận nhóm	- Hồ sơ học phần - Quan sát
--------	----------	---	------------------	--------------------------------

22. LAW30048: Hệ thống pháp luật Việt Nam

Mô tả học phần: Môn học Hệ thống pháp luật Việt Nam là một môn học pháp lý cơ sở ngành đồng thời là môn học có vai trò quan trọng, là nền tảng cho việc nghiên cứu các quy định của pháp luật đối với các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể trong thực tiễn đời sống. Môn học Hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật như Luật dân sự, Luật hình sự, Luật hành chính, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp... Trong đó, các chế định cơ bản của các ngành luật như quyền – nghĩa vụ cơ bản của công dân, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, quyền sở hữu tài sản, hợp đồng dân sự, thừa kế tài sản, tội phạm – hình phạt, quản lý nhà nước, hôn nhân gia đình... là cơ sở quan trọng để xác định quyền, nghĩa vụ của các chủ thể là cá nhân, cơ quan, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh; làm tiền đề để xử phạt các hành vi xâm phạm, giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể đó.

Mục tiêu học phần:

CO1: Sinh viên có khả năng hiểu được kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam;

CO2: Rèn luyện tư duy hệ thống, phản biện và sáng tạo các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật.

CO3: Sinh viên có khả năng hợp tác, khả năng làm việc nhóm trong nghiên cứu khoa học và khả năng giao tiếp đa phương thức.

CO4: Sinh viên vận dụng được kiến thức pháp luật trong thiết kế và triển khai các hoạt động giảng dạy.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.5	<p>Hiểu các quy định chung về pháp luật dân sự và quan hệ pháp luật dân sự và các chế định như tài sản và quyền sở hữu, thừa kế.</p> <p>Hiểu và phân tích được các quy định trong việc giải quyết một số vấn đề pháp lý.</p>	Phương pháp thuyết trình (Tài liệu trực tuyến)	Câu hỏi thảo luận trên elearning
			Phương pháp tình huống	Bài tập thực hành Bài thi tự luận
			Phương pháp hỏi đáp	<p>Chủ đề làm đồ án</p> <p>1. Phân tích và đánh giá về quan hệ nhân thân trong pháp luật dân sự hiện nay với các quy định trong Hiến pháp 2013 và các công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị 1966</p> <p>2. Phân tích và đánh giá về chế định tài sản và quyền sở hữu, đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.</p> <p>3....</p>

CLO1.2	3.5	Hiểu và phân tích được các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn; các quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng và các thành viên khác trong gia đình.	Phương pháp thuyết trình (Tài liệu trực tuyến)	Phương pháp đánh giá Câu hỏi thảo luận trên elearning
			Phương pháp tình huống	Bài tập thực hành Bài thi tự luận
			Phương pháp hỏi đáp	Chủ đề làm đồ án: 1. Phân tích và bình luận các quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện kết hôn (có sự so sánh với các quy định của luật hôn nhân gia đình năm 2000) 2. Phân tích quy định của pháp luật và đánh giá về thực tiễn thực hiện các quyền và nghĩa về nhân thân giữa vợ và chồng.
CLO1.3	3.5	Hiểu và phân tích được các quy định chung về luật hình sự và trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội. Hiểu được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự và phân tích, đánh giá được một số vấn đề về tội phạm và hình phạt	Phương pháp thuyết trình (Tài liệu trực tuyến)	Câu hỏi thảo luận trên elearning
			Phương pháp tình huống	Bài tập thực hành Bài thi tự luận
			Phương pháp hỏi đáp	Chủ đề làm đồ án 1. Phân tích và đánh giá về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong giai đoạn hiện nay. 2. Phân tích và đánh giá về một tội phạm hoặc hình phạt cụ thể trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này. 3....
CLO1.4	3.5	Hiểu quan hệ pháp luật lao động, các quy định chung về pháp luật lao động, an sinh xã hội Vận dụng	Phương pháp thuyết trình (Tài liệu trực tuyến)	Câu hỏi thảo luận trên elearning
			Phương pháp tình huống	Bài tập thực hành Bài thi tự luận
			Phương pháp hỏi đáp	Chủ đề làm đồ án 1. Phân tích các

		được các quy định trong việc giải quyết một số vấn đề pháp lý.		điểm mới của Bộ luật lao động 2019 và tác động đến quan hệ lao động 2. Phân tích và đánh giá về chế định bảo hiểm xã hội, đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.
CLO1.5	3.5	Hiểu và phân tích được các vấn đề mang tính khái quát về doanh nghiệp cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	Phương pháp thuyết trình (Tài liệu trực tuyến)	Câu hỏi thảo luận trên elearning
			Phương pháp tình huống	Bài tập thực hành Bài thi tự luận
			Phương pháp hỏi đáp	Chủ đề làm đồ án 1. Phân tích và đánh giá các quy định pháp luật về trách nhiệm xã hội hiện nay; đánh giá việc áp dụng các quy định này trên thực tiễn và đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này. 2. Phân tích và đánh giá các quy định pháp luật về thủ tục hành chính áp dụng đối với doanh nghiệp; đánh giá việc áp dụng các quy định này trên thực tiễn và đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.
CLO2.1	3.5	Thực hiện được đánh giá, phản biện vấn đề pháp lý trong một số lĩnh vực của pháp luật (DS, HN, HS, LĐ, DN)	Phương pháp tổng hợp, so sánh tương phản	BT cá nhân BT Nhóm Đồ án
CLO2.2	3.0	Áp dụng thuần thực kỹ năng sử dụng công nghệ	Phương pháp tổng hợp, so sánh	BT cá nhân BT Nhóm Đồ án
CLO3.1	3.5	Thành thạo kỹ năng hợp tác	Phương pháp tổng hợp, so sánh,	BT cá nhân BT Nhóm

		trong nghiên cứu khoa học	đánh giá	Đồ án
CLO3.2	3.0	Thành thạo kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu khoa học	Phương pháp tổng hợp, so sánh, đánh giá	BT cá nhân BT Nhóm Đồ án
CLO4	3.0	Sinh viên vận dụng được kiến thức pháp luật trong thiết kế và triển khai các hoạt động giảng dạy. (liên quan đến bối cảnh xã hội đất nước sống và làm việc theo pháp luật....)	Phương pháp tổng hợp, so sánh, đánh giá...	BT cá nhân BT Nhóm Đồ án

23. POL30042: Hệ thống chính trị Việt Nam

Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này đi sâu nghiên cứu, phân tích cấu trúc, đặc trưng của hệ thống chính trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, đặc biệt là giai đoạn từ 1945 đến nay. Nghiên cứu học phần này sẽ giúp sinh viên đề xuất được những giải pháp để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần: Học phần Hệ thống chính trị Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về hệ thống chính trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Môn học rèn luyện tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống cho sinh viên, giúp họ có định hướng chính trị đúng đắn trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay; rèn luyện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Giải thích được khái niệm cấu trúc và đặc trưng, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của hệ thống chính trị	Thuyết trình	TNKQ
CLO1.2	K4	Áp dụng kiến thức về hệ thống chính trị vào nghiên cứu HTCT ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và trong giai đoạn hiện nay	Thuyết trình	TNKQ, tự luận
CLO2.1	S4	Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phản biện trong nghiên cứu hệ thống chính trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và trong giai đoạn hiện nay	Tự học	Quan sát,
CLO2.2	S4	Rèn luyện kỹ năng tư duy hệ thống trong nghiên cứu hệ thống chính	Tự học	Quan sát

		trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và trong giai đoạn hiện nay		
CLO3.1	S3	Thực hiện kỹ năng hợp tác trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần
CLO3.2	S3	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần

24. POL31036: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Mô tả học phần: **Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam** là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Giáo dục Chính trị trong chương trình đào tạo sư phạm Giáo dục Chính trị. Học phần này cung cấp một số kiến thức chuyên sâu về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, như: tổng quan về hội nhập kinh tế quốc tế; các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật hiện nay; thực tiễn hội nhập kinh tế của Việt Nam (quá trình hội nhập, thành tựu, hạn chế, thời cơ, thách thức và giải pháp đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam). Trên cơ sở đó, trang bị kiến thức cho sinh viên vận dụng vào quá trình giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông. Đồng thời, quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập của môn học cũng góp phần rèn luyện khả năng tự học và các kỹ năng mềm cho sinh viên như: kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó, góp phần bồi dưỡng niềm tin chính trị, bản lĩnh vững vàng trước các biến động mà toàn cầu hóa và hội nhập mang lại.

Mục tiêu học phần:

- **CO1:** Sinh viên hiểu và giải thích được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- **CO2:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- **CO3:** Bồi dưỡng niềm tin chính trị, bản lĩnh vững vàng cho sinh viên trước các biến động mà hội nhập kinh tế quốc tế có thể mang lại; giúp sinh viên phát huy ý thức tự học, tự chủ.

- **CO4:** Sinh viên phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam. Đồng thời, có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế nội dung bài giảng môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật trên cơ sở vận dụng kiến thức về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích</i> được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Tự luận - Hồ sơ học phần
CLO2.1	S2	<i>Thể hiện kỹ năng</i> phân tích, tổng hợp, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.	Thảo luận nhóm	- Tự luận - Hồ sơ học phần

CLO3.1	A3	<i>Thể hiện</i> niềm tin chính trị, bản lĩnh vững vàng trước các biến động mà hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO3.2	A3	<i>Thể hiện</i> ý thức tự học, tự rèn luyện, tự chủ trong quá trình học tập.	- Tự học - Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO4.1	C3	<i>Phân tích</i> ảnh hưởng của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam.	- Tự học - Thảo luận nhóm	- Tự luận - Hồ sơ học phần
CLO4.2	C3	<i>Hình thành</i> ý tưởng, thiết kế nội dung bài giảng môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật trên cơ sở vận dụng kiến thức về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.	Thảo luận nhóm	- Tự luận - Hồ sơ học phần

25. POL30018: Chuyên đề triết học

Mô tả học phần: *Chuyên đề triết học* là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Giáo dục chính trị. Học phần gồm 3 chương, trình bày những nội dung cơ bản, cấp thiết về lý luận và thực tiễn như: thế giới quan duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, lý luận hình thái kinh tế - xã hội, vấn đề triết học chính trị, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam hiện nay. Qua đó giúp người học nắm được một cách có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận để vận dụng vào giảng dạy chương trình Giáo dục công dân ở bậc THPT; đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các các vấn đề của đời sống chính trị xã hội và bồi dưỡng phẩm chất chính trị.

Mục tiêu học phần:

- **CO1:** Giúp sinh viên hiểu được nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các quan điểm, học thuyết triết học về những vấn đề cơ bản, cấp thiết của lý luận và thực tiễn, từ đó vận dụng vào vào hoạt động giáo dục, dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông.
- **CO2:** Rèn luyện cho sinh viên năng lực tư duy, kỹ năng phân tích vấn đề; có thể phản biện các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề của đời sống chính trị xã hội.
- **CO3:** *Bồi dưỡng* phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3 (3.0)	<i>Phân tích</i> được nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các quan điểm, học thuyết triết học về những vấn đề cơ bản, cấp thiết của lý luận và thực tiễn	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Hồ sơ học phần - Bài tự luận
CLO1.2	K4 (3.5)	<i>Vận dụng</i> lý luận triết học vào hoạt động giáo dục, dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông	- Thảo luận nhóm	- Bài tự luận - Hồ sơ học phần

CLO2.1	S3 (3.4)	<i>Thể hiện</i> tư duy tư duy biện chứng, phản biện, kỹ năng phân tích vấn đề; có thể phản biện các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề của đời sống chính trị xã hội	- Thảo luận nhóm	- Hồ sơ học phần; - Quan sát
CLO3.1	A3 (3.0)	<i>Thể hiện</i> phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	- Thảo luận nhóm	- Hồ sơ học phần - Quan sát
CLO4.1	C4 (3.5)	<i>Phân tích</i> bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông để xây dựng môi trường giáo dục thân thiện trong trường học, xây dựng văn hóa nhà trường	- Thảo luận nhóm	- Hồ sơ học phần - Quan sát

26. POL30017: Chuyên đề kinh tế chính trị

Mô tả học phần: Chuyên đề Kinh tế chính trị là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo sư phạm Giáo dục Chính trị. Môn học này cung cấp một số kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị, như: cung, cầu, và cơ chế hoạt động của thị trường; phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam - những vấn đề mà Đảng, Nhà nước rất quan tâm hiện nay. Môn học được thực hiện dưới hình thức đề án/dự án, qua đó, giúp sinh viên vận dụng một cách sáng tạo kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông. Đồng thời, quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập của môn học cũng góp phần rèn luyện các kỹ năng mềm cho sinh viên như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp đa phương thức, bồi dưỡng tư duy phản biện, khả năng phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, linh hoạt...

Mục tiêu học phần:

- **CO1:** Trang bị những kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị, trên cơ sở đó sinh viên hiểu và vận dụng vào hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông.
- **CO2:** Bồi dưỡng và nâng cao tư duy phản biện, kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề cũng như ý thức tự học cho sinh viên thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần Chuyên đề kinh tế chính trị
- **CO3:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp đa phương thức, kỹ năng làm việc nhóm, sẵn sàng hợp tác và chia sẻ.
- **CO4:** Góp phần hình thành ý tưởng, lên kế hoạch, triển khai và đề xuất những cải tiến trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	<i>Vận dụng</i> kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị vào nghiên cứu khoa học và thiết kế bài giảng ở bậc phổ thông	-Thuyết trình -Thảo luận	Câu hỏi Tự luận

CLO2.1	S4	Thể hiện tư duy phản biện, kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế chính trị trong học tập và nghiên cứu khoa học	Nghiên cứu thực tiễn & hoạt động nhóm	- Quan sát - Chấm các sản phẩm dự án
CLO2.2	A4	Thể hiện ý thức tự học, tự chủ, linh hoạt, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học	Nghiên cứu thực tiễn, hoạt động nhóm và tự học	- Quan sát - Hồ sơ học tập
CLO3.1	S3	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, sẵn sàng chia sẻ và cùng phát triển trong học tập và nghiên cứu khoa học	Nghiên cứu thực tiễn & hoạt động nhóm	- Quan sát - Chấm các sản phẩm dự án - Hồ sơ học tập
CLO3.2	S4	Có kỹ năng giao tiếp đa phương thức tốt (văn bản, thuyết trình, giao tiếp sư phạm...)	Nghiên cứu thực tiễn, hoạt động nhóm và viết, công bố đồ án.	- Quan sát - Chấm các sản phẩm dự án
CLO4.1	C3	Hình thành được ý tưởng thiết kế nội dung dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	Hoạt động nhóm và Đồ án	- Quan sát - Chấm các sản phẩm dự án
CLO4.2	C3	Thiết kế được hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Hoạt động nhóm và Đồ án	- Quan sát - Chấm các sản phẩm dự án
CLO4.3	C3	Triển khai được hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Hoạt động nhóm và Đồ án	- Quan sát - Chấm các sản phẩm dự án
CLO4.4	C3	Có khả năng cải tiến các hoạt động dạy học và đề xuất các ý tưởng mới trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Hoạt động nhóm và Đồ án	- Quan sát - Chấm các sản phẩm dự án

27. POL31027: Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này đi sâu nghiên cứu, phân tích những vấn đề cốt lõi của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nghiên cứu học phần này sẽ giúp sinh viên xây dựng được những giải pháp giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần: Học phần Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn liên quan đến các nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như: xây dựng giai cấp công nhân, về con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam, về vấn đề dân tộc và tôn giáo. Môn học giúp sinh viên có định hướng chính trị đúng đắn, tin tưởng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; rèn luyện khả năng đánh giá, lý giải một cách khách quan, khoa học các vấn đề chính trị - xã hội.

CO1: *Áp dụng* các kiến thức nền tảng về chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam, về con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong quá trình xây dựng CNXH.

CO2: *Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo* về các vấn đề chính trị - xã hội.

CO3: *Bộc lộ bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng*

CO4: *Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành*

CO5: *Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật để phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.*

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.0	Áp dụng các kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam	Thuyết trình	TNKQ, tự luận
CLO1.2	3.0	Áp dụng các kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn quá độ lên CNXH ở Việt Nam	Thuyết trình	TNKQ, tự luận
CLO1.3	3.0	Áp dụng các kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin vào giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	Thuyết trình	Tự luận
CLO2.1	3	Thể hiện kỹ năng giải quyết các vấn đề dân tộc	Tự học	Quan sát
CLO2.2	3	Thể hiện kỹ năng giải quyết các vấn đề tôn giáo	Tự học	Quan sát
CLO2.3		Bộc lộ bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng vào CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Tự học	Quan sát
CLO3.1	3	Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần
CLO4.1	3	Phân tích được bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông để thực hiện quyền dân chủ và môi trường giáo dục thân thiện trong trường học, xây dựng văn hóa nhà trường	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần

28. POL30028: Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần: Học phần chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến chuyên ngành gồm 3 tín chỉ, là học phần bắt buộc nhằm trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghiên cứu, học tập chuyên đề lịch sử Đảng giáo dục sâu sắc những kinh nghiệm, bài học trong lãnh đạo của Đảng, tham

gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mệnh vẻ vang của Đảng lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Mục tiêu học phần:

Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống các nội dung kiến thức chuyên sâu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 - đến nay. Góp phần giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng. Hiểu rõ những vấn đề chuyên sâu về xây dựng Đảng trong lịch sử để vận dụng những kinh nghiệm để làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Chống nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ quan liêu, tham nhũng, xa rời quần chúng và những biểu hiện tiêu cực khác.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	2.0	Giải thích được nội dung cơ bản về đường lối lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay	Thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận	Tự luận, Trắc nghiệm, vấn đáp
CLO1.2	3.0	Áp dụng kiến thức chuyên sâu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đối với vấn đề xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay	Thuyết trình Bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, Trắc nghiệm, hồ sơ học tập
CLO2.1	3.0	Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Thuyết trình Bài tập, thảo luận	Tự luận, Trắc nghiệm, hồ sơ học tập
CLO2.3	3.0	Về kỹ năng Góp phần trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.	Thuyết trình, làm việc nhóm,	Tự luận, Trắc nghiệm, vấn đáp

29. POL30029: Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần:

Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy cho sinh viên ngành cử nhân Giáo dục Chính trị, ở kỳ 6. Nội dung học phần gồm tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về giáo dục; về kinh tế và giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên. Học phần sẽ giúp sinh viên nhận thức sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của Đảng, của dân tộc ta. Đồng thời, gợi mở một số quan điểm định hướng, nội dung vận dụng tư tưởng của Người về các lĩnh vực cụ thể, từ đó người học nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

Mục tiêu học phần: Sinh viên hiểu được những kiến thức chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng. Đồng thời, sinh viên nâng cao được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phân biện, tư duy hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, học phần giúp sinh viên nhận thức được bối cảnh mới với yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sáng tạo vào phục vụ cho sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Mục tiêu học phần (COs)

CO1: Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng.

CO2: Nâng cao được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

CO3: Nâng cao được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO4: Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm trong thảo luận nội dung học phần.

CO5: Phân tích được bối cảnh mới với yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sáng tạo vào phục vụ cho sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước trong từng lĩnh vực.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Diễn giải được các kiến thức chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Hồ sơ học tập/Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	A4	Nâng cao được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.	Bài tập/Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/ Phiếu đánh giá
CLO2.2	S4	Nâng cao được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh.	Bài tập/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm trong thảo luận nội dung học phần.	Bài tập/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/Phiếu đánh giá
CLO4.1	C4	Phân tích được bối cảnh mới với yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sáng tạo vào phục vụ cho sự nghiệp đổi mới đất nước.	Bài tập/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/Phiếu đánh giá

30. POL31033: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần: Học phần có 5 tín chỉ trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và năng lực cơ bản trong việc phân tích chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Đồng thời sinh viên được cung cấp kiến thức và hình thành năng lực vận dụng những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học bộ môn, các nguyên tắc dạy học, hệ thống các phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cùng với một số kỹ năng sư phạm cần thiết, các hình thức tổ chức dạy học và hình thức kiểm tra – đánh giá trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
CLO1	Hiểu được hệ thống kiến thức cơ bản về chương trình và lý luận dạy học bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.
CLO2	Hình thành kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình chiếm lĩnh tri thức về lý luận dạy học bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.
CLO3	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thực hành nghề nghiệp thông qua hoàn thành các nhiệm vụ trong học phần.
CLO4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trong nhà trường phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	<i>Hiểu</i> chương trình GD CD trong nhà trường phổ thông và lý luận chung về dạy học bộ môn GD CD	-Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp - Seminar	Rubrics đánh giá câu hỏi trắc nghiệm và trên LMS
CLO1.2	K4	<i>Hiểu</i> và <i>phân tích</i> được chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.	-Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp - Seminar	Rubrics đánh giá câu hỏi trắc nghiệm và trên LMS
CLO1.3	K4	<i>Phân tích</i> được các nguyên tắc trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	-Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp - Seminar	Rubrics đánh giá câu hỏi trắc nghiệm và trên LMS
CLO1.4	K4	<i>Hiểu</i> các phương pháp trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	-Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp - Seminar	Rubrics đánh giá câu hỏi trắc nghiệm và trên LMS

CLO2.1	S4	<i>Quán triệt</i> nguyên tắc trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	1. Seminar 2. Đồ án số 1: Nguyên tắc tính thực tiễn trong dạy học chủ đề “Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng” (hoặc các chủ đề khác) trong chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Rubrics đánh giá đồ án số 1 LMS
CLO2.2	S3	<i>Vận dụng</i> các phương pháp trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	1. Seminar 2. Đồ án số 2 Các phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật – cách thức sử dụng.	Rubrics số 2 Giữa kì
CLO2.3	S4	<i>Thiết kế</i> được 1 khâu của kế hoạch bài dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	1. Seminar 2. Đồ án số 3 Xác định mục tiêu kế hoạch bài dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	Rubrics đánh giá đồ án số 3
CLO3.1		Rèn luyện <i>kỹ năng hợp tác trong thực</i> hoàn thành nhiệm vụ học tập	Làm việc nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập: - Seminar - Đồ án	Rubrics đánh giá hoạt động nhóm
CLO3.2		Rèn luyện <i>kỹ năng lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm</i> hoàn thành nhiệm vụ học tập.	Làm việc nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập: - Seminar - Đồ án	
CLO3.3		Rèn luyện <i>kỹ năng giao tiếp</i> thông qua thuyết trình các nhiệm vụ học tập.	Thảo luận nhóm - Seminar - Trình bày vấn đề	
CLO4.1		Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật để phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh	Đồ án số 4 Thiết lập Ma trận kết nối giữa các yếu tố của quá trình dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Rubrics đánh giá số 4

31. POL30044: Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần: Học phần **Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật** là học phần thuộc khối kiến thức về phương pháp dạy học của Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về phát triển chương trình phổ thông nói chung và phát triển chương trình môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông. Từ đó, có nhận thức đúng đắn về vai trò của mình trong việc phát triển chương trình môn học ở trường phổ thông; có kế hoạch, phương pháp học tập, vận dụng vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông.

Mục tiêu học phần: Học phần **Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật** giúp người học có năng lực phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông. Đồng thời người học rèn luyện được các kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực, thể hiện đạo đức, phong cách nhà giáo cũng như hình thành được ý tưởng/ Thiết kế/ Triển khai/ Cải tiến hoạt động phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Diễn giải được kiến thức cơ bản, nâng cao về phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	Thuyết giảng/ Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S4	Thể hiện kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO2.2	A4	Thể hiện đạo đức nhà giáo	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO 2.3	A4	Thể hiện phong cách nhà giáo	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO4.1	C4	Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Thực hành/ trải nghiệm/ hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C4	Hình thành ý tưởng về phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.3	C4	Thiết kế hoạt động phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.4	C4	Triển khai hoạt động phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật	Thực hành/ thảo luận/hoạt động	Phiếu đánh giá

		pháp luật	nhóm	
CLO4.5	C3	Cải tiến các hoạt động phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

32. POL30043: Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần: Học phần có 4 tín chỉ trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và năng lực cơ bản về kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh trong giáo dục phổ thông. Đồng thời sinh viên được cung cấp kiến thức và hình thành năng lực vận dụng những vấn đề cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
CLO1	Hiểu được hệ thống kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.
CLO2	Thể hiện kỹ năng kết nối và tìm kiếm thông tin để thực hiện nhiệm vụ đánh giá học sinh trong dạy học và hoạt động giáo dục trong nhà trường.
CLO4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện các phương pháp, hình thức, công cụ kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Trình bày được các nội dung cơ bản của kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong dạy học ở trường phổ thông.	- Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp	Câu hỏi trắc nghiệm số 1
CLO1.2	K4	Hiểu hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học, giáo dục học sinh.	- Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp	Câu hỏi trắc nghiệm số 1
CLO1.3	S4	Xác định được một số công cụ kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	- Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp	Kiểm tra giữa kì Rubrics số 1
CLO1.4	K4	Sử dụng và phân tích kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	- Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp	Câu hỏi trắc nghiệm số 1
CLO2.1	S4	Thể hiện kỹ năng lập kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ học tập.	Dạy học nhóm	Tự luận Rubrics số 3

CLO2.2	S4	Áp dụng kỹ năng giáo dục để đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh.	Dạy học nhóm	
CLO4.1	C5	Hình thành ý tưởng về kế hoạch, công cụ, phương pháp, kiểm tra – đánh giá chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Làm việc nhóm - Thực hành - Đánh giá đồng đẳng	Rubrics số 2 Nộp bài lên LMS
CLO4.2	C5	Thiết kế công cụ kiểm tra – đánh giá chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.	- Làm việc nhóm - Thực hành - Đánh giá đồng đẳng	Tự luận Rubrics số 3
CLO4.3	C5	Triển khai ý tưởng về công cụ, phương pháp, kiểm tra – đánh giá chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.	- Làm việc nhóm - Thực hành - Đánh giá đồng đẳng	
CLO4.4	C4	Cải tiến các hoạt động về kiểm tra – đánh giá chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.	- Làm việc nhóm - Thực hành - Đánh giá đồng đẳng	

33. POL30050: Xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhằm xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Qua đó, sinh viên có đủ năng lực thực hiện các nội dung và yêu cầu khi tham gia giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở THPT.

Mục tiêu học phần:

- Khái quát được những vấn đề chung về xây dựng kế hoạch dạy học trong nhà trường phổ thông
- Xây dựng được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật
- Phân tích, đánh giá được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật thông qua trường hợp thực tiễn
- Thực hiện được kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, rèn luyện tư duy hệ thống, phản biện và sáng tạo
- Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động thiết kế kế hoạch dạy học trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Khái quát được những vấn đề chung về xây dựng kế hoạch dạy học trong nhà trường phổ thông	-Thuyết trình trên elearning (Scorm)	Tự luận, Vấn đáp

			- Giảng trên lớp - Seminar	
CLO2.1	K4	Xây dựng được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	-Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp - Seminar	Tự luận, hồ sơ học tập
CLO2.2	S3	Phân tích, đánh giá được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật thông qua trường hợp thực tiễn	- Giảng trên lớp - Seminar	Tự luận, quan sát
CLO3.1	S3	Rèn luyện <i>kỹ năng hợp tác trong thực</i> hoàn thành nhiệm vụ học tập Rèn luyện <i>kỹ năng lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm</i> hoàn thành nhiệm vụ học tập. Rèn luyện <i>kỹ năng giao tiếp</i> thông qua thuyết trình các nhiệm vụ học tập.	- Làm việc nhóm - Seminar	Tự luận, hồ sơ học tập, quan sát
CLO3.2	C2	Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động xây dựng kế hoạch dạy học trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	- Làm việc nhóm -Seminar	Tự luận

34. POL30049: Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần: Thực hành dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng, phương pháp cơ bản nhằm thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Qua đó, sinh viên có đủ năng lực thực hiện các nội dung và yêu cầu khi tham gia giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở THPT.

Mục tiêu học phần:

- Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về giáo dục kinh tế và pháp luật vào dạy học.
- Thể hiện được đạo đức và phong cách nhà giáo.
- Thực hiện được các kỹ năng: phân tích, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, quản lý nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tạo lập văn bản.
- Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động thiết kế kế hoạch bài dạy và hoạt động giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.
- Triển khai, tổ chức được các hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá.
- Đề xuất được các biện pháp cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.
- Đề xuất các biện pháp cải tiến chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở THPT.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	S4	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về giáo dục kinh tế và pháp luật vào dạy học.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận

CLO1.2	A4	Thể hiện được đạo đức và phong cách nhà giáo.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát
CLO2.1	S4	Thực hiện được các kỹ năng: phân tích, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, quản lý nhóm.	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO2.2	S4	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tạo lập văn bản.	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO2.3	S4	Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động thiết kế kế hoạch bài dạy và hoạt động giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO3.1	C3	Triển khai, tổ chức được các hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO4.1	C4	Đề xuất được các biện pháp cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận
CLO4.2	C2	Đề xuất các biện pháp cải tiến chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận

35. POL31038: Văn hóa chính trị

Mô tả học phần: Văn hóa chính trị (VHCT) là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Giáo dục Chính trị, được giảng dạy tại học kỳ 7. Học phần gồm có 1 tín chỉ lý thuyết và 3 tín chỉ dự án. Tín chỉ lý thuyết bao gồm những nội dung cơ bản về VHCT, từ cách tiếp cận nghiên cứu, định nghĩa, cấu trúc, nội dung và chức năng văn hóa chính trị, về xã hội hóa chính trị, phương hướng và giải pháp xây dựng VHCT Việt Nam. 3 tín chỉ dự án gồm các hoạt động được tổ chức cho sinh viên tiếp cận, thực hiện một số kỹ năng để hình thành ý tưởng/thiết kế/triển khai/cải tiến dự án. Thông qua học phần, người học ý thức được trách nhiệm của mình trong việc xây dựng VHCT Việt Nam, thực hiện được một đề tài nghiên cứu khoa học góp phần thúc đẩy những giá trị dân chủ và tiến bộ trong lĩnh vực chính trị.

Mục tiêu học phần:

CO1: Sinh viên phân tích được kiến thức cơ bản về văn hóa chính trị; quy trình và phương pháp nghiên cứu khoa học vấn đề văn hóa chính trị;

CO2: Sinh viên thể hiện được tư duy logic, hệ thống, phản biện, giải quyết vấn đề và sáng tạo các vấn đề văn hóa chính trị; kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực;

CO3: Sinh viên thực hiện hợp tác, làm việc nhóm và giao tiếp đa phương thức trong thực hiện dự án học phần;

CO4: Sinh viên hình thành được ý tưởng/thiết kế/triển khai/cải tiến 1 đề tài dự án về văn hóa chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
--------------------	-------------------	--------------------	---------------------	----------------------

CLO1.1	K4	Phân tích được kiến thức về khái niệm, cách tiếp cận nghiên cứu, cấu trúc, nội dung và chức năng văn hóa chính trị	Thuyết giảng/ Thảo luận	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Phân tích được kiến thức về xã hội hóa chính trị và văn hóa chính trị Việt Nam	Thuyết giảng/ Thảo luận	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO1.3	K4	Phân tích được quy trình, phương pháp nghiên cứu khoa học, xây dựng đề cương một đề tài văn hóa chính trị	Thuyết giảng/ Thảo luận	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO2.1	S4	Thể hiện tư duy hệ thống, phản biện, giải quyết vấn đề và sáng tạo các vấn đề văn hóa chính trị	Thảo luận/ hoạt động nhóm	- Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá) - Hồ sơ học tập.
CLO2.2	S4	Thể hiện kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực trong lập kế hoạch và thực hiện dự án học phần	Thảo luận/ hoạt động nhóm	- Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá) - Hồ sơ học tập.
CLO3.1	S4	Thực hiện kỹ năng hợp tác trong lập kế hoạch và thực hiện dự án học phần	Thảo luận/ hoạt động nhóm	- Hồ sơ học tập. - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)
CLO3.2	S4	Thực hiện làm việc nhóm trong lập kế hoạch và trong thực hiện dự án học phần	Thảo luận / hoạt động nhóm	- Hồ sơ học tập. - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)
CLO3.3	S4	Thực hiện giao tiếp đa phương thức trong thực hiện dự án học phần	Thảo luận/ hoạt động nhóm	- Hồ sơ học tập. - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)
CLO4.1	C4	Hình thành được ý tưởng/thiết kế đề tài dự án về văn hóa chính trị.	Thảo luận/ hoạt động nhóm	- Hồ sơ học tập. - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)

CLO4.2	C4	Triển khai/cải tiến 1 đề tài dự án về văn hóa chính trị.	Thảo luận / hoạt động nhóm	- Hồ sơ học tập. - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)
--------	----	--	----------------------------	--

36. LAW31017: Luật Quốc tế

Mô tả học phần: Luật quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được thực hiện dạy và học ở kỳ 7 của chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Sinh viên được học kiến thức cơ bản và nâng cao về pháp luật quốc tế; được rèn luyện các kỹ năng về tư duy phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua học phần. Học phần Luật quốc tế hình thành cho sinh viên khả năng tư duy vĩ mô về vấn đề nhà nước và pháp luật. Học phần là lựa chọn phù hợp để sinh viên có cái nhìn tổng quát về toàn cảnh mối quan hệ phong phú và phức tạp giữa các quốc gia, cũng như có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về nhà nước và hệ thống pháp luật quốc gia của Việt Nam.

Mục tiêu học phần: Học phần Luật quốc tế cung cấp khối kiến thức cơ bản và nâng cao về pháp luật quốc tế, là bộ phận pháp luật điều chỉnh các quan hệ quốc tế giữa các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế. Thông qua học phần, sinh viên vận dụng chính xác kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo. Sinh viên được tiếp cận các phương pháp giảng dạy và học hiện đại, lấy người học làm trung tâm.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.0	<i>Hiểu</i> các kiến thức về khái niệm, chủ thể, nguồn, nguyên tắc cơ bản, trách nhiệm pháp lý và một số quan hệ pháp luật trong lĩnh vực pháp luật quốc tế	- Thuyết trình - Tự học - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận	- Trắc nghiệm - Tự luận - Phỏng vấn
CLO1.2	4.0	<i>Phân tích</i> việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý quốc tế trong các lĩnh vực pháp luật quốc tế của các quốc gia, trong đó có Việt Nam	- Thuyết trình - Tự học - Làm việc nhóm - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận	- Tự luận - Báo cáo bài tập nhóm - Thuyết trình bài thu hoạch nhóm - Quan sát - Phỏng vấn
CLO2.1	4.0	<i>Thành thạo</i> xem xét, đánh giá các quy định luật quốc tế, các vấn đề pháp lý quốc tế trong sự tác động của các yếu tố/hiện tượng xã hội khác;	- Thuyết trình - Tự học - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận - Làm việc nhóm	- Tự luận - Quan sát - Phỏng vấn - Bài tập cá nhân
CLO2.2	4.0	<i>Thành thạo</i> sử dụng bối cảnh xã hội để làm tiêu chuẩn đánh giá, phản biện các hiện tượng pháp lý trong lĩnh vực luật quốc tế	- Bài tập - Tự học - Làm việc nhóm - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận	- Tự luận - Quan sát - Phỏng vấn - Bài tập cá nhân

CLO2.3	4.0	Thành thạo sử dụng kiến thức pháp luật quốc tế để giải quyết các vấn đề pháp lý quốc tế trong thực tiễn	- Bài tập - Tự học - Làm việc nhóm - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận	- Tự luận - Quan sát - Phỏng vấn - Bài tập cá nhân
--------	-----	---	--	---

37. Tự chọn 3

37.1. POL30030: Công tác Đảng và công tác đoàn thể

Mô tả học phần: Công tác Đảng và công tác đoàn thể là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị những nội dung bản về Đảng và các tổ chức đoàn thể chủ yếu được thành lập, hoạt động trong nhà trường ở Việt Nam, bao gồm tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Công đoàn; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Cung cấp cho các nhà giáo dục các vấn đề liên quan đến mục tiêu, chương trình, nhiệm vụ của từng tổ chức nhằm tạo điều kiện để làm tốt công tác giáo dục toàn diện giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Mục tiêu học phần: Học phần Công tác Đảng và công tác đoàn thể giới thiệu khái quát về vai trò, vị trí, chức năng của tổ chức Đảng và đoàn thể trong nhà trường, qua đó hình thành cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về Đảng và đoàn thể trong trường học để nhằm phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Qua học tập còn góp phần phát triển kỹ năng tổ chức, hoạt động và làm việc nhóm cho sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu	CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Trình độ năng lực	Kí hiệu trình độ năng lực	Tương ứng với CĐR của CTĐT
CO1	CLO1.1	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về công tác Đảng và đoàn thể trong trường học	3.5	K5	PLO1.1
CO2	CLO2.1	Thực hiện được các kỹ năng khám phá, phát triển tri thức về công tác Đảng và đoàn thể trong trường học	4	S4	PLO2.3
CO3	CLO3.1	Phát triển được kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác và lãnh đạo nhóm về những nội dung liên quan đến công tác Đảng và đoàn thể trong trường học	4	S5	PLO3.1

37.2. POL30045: Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông

Mô tả học phần: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp cơ bản nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông. Từ đó giúp sinh viên tự tin tham gia dạy học kỹ năng sống tại các trường phổ thông.

Mục tiêu học phần:

- Hiểu được kiến thức cơ bản về Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông
- Phân tích, lựa chọn được những nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy học cơ bản trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông
- Hình thành được kỹ năng giải quyết vấn đề, hợp tác, làm việc nhóm

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (PLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục Hiểu được kiến thức cơ bản về Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận
CLO1.2	K3	Phân tích, lựa chọn, vận dụng được những nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy học cơ bản trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO2.1	S4	Thể hiện được ý thức tự học, tự rèn luyện; tự chủ, linh hoạt.	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO2.2	S4	Thực hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và giảng dạy; Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm, quản lý nhóm	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO3.1	S3	Sử dụng công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát

37.3. POL30046: Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo trong ngành Giáo dục chính trị

Mô tả học phần: Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo trong ngành Giáo dục Chính trị là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành phân tự chọn trong chương trình đào tạo sư phạm Giáo dục Chính trị. Học phần này cung cấp một số kiến thức về khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo như: lên ý tưởng khởi nghiệp, xác định điều kiện khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp, tình hình khởi nghiệp trong nước và quốc tế, các phương pháp tự duy sáng tạo... Trên cơ sở đó, góp phần trang bị kiến thức cho sinh viên có thể khởi nghiệp, lập thân, lập nghiệp và vận dụng vào quá trình giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông. Đồng thời, quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập của môn học cũng góp phần rèn luyện khả năng tự học và các kỹ năng mềm cho sinh viên như: kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo....

Mục tiêu học phần:

- **CO1:** Sinh viên hiểu và giải thích được những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo.

- **CO2:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo.

- **CO3:** Bồi dưỡng cho sinh viên ý thức tự học, tự rèn luyện, tự chủ trong quá trình học tập.

- **CO4:** Sinh viên phân tích được bối cảnh kinh tế - xã hội và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo. Qua đó, hình thành ý tưởng khởi nghiệp và ý tưởng thiết kế nội dung liên quan đến khởi nghiệp trong môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở bậc THPT.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học	TĐNL	Mô tả CDR học phần	Phương pháp	Phương pháp
----------------	-------------	---------------------------	--------------------	--------------------

phần (CLO)	CDR học phần		dạy học	đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích</i> được những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Thi tự luận - Hồ sơ học phần
CLO2.1	S2	<i>Thể hiện kỹ năng</i> phân tích, tổng hợp, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo.	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO3.1	A3	<i>Thể hiện ý thức</i> tự học, tự rèn luyện, tự chủ trong quá trình học tập.	- Tự học - Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO4.1	C3	<i>Phân tích</i> được bối cảnh kinh tế - xã hội và các chính sách, chủ trương của Nhà nước liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo.	Thảo luận nhóm	- Thi tự luận - Hồ sơ học phần
CLO4.2	C3	<i>Hình thành ý tưởng</i> khởi nghiệp và ý tưởng thiết kế nội dung liên quan đến khởi nghiệp trong môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở bậc THPT.	Thảo luận nhóm	- Thi tự luận - Hồ sơ học phần

37.4. POL30047: Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật

Mô tả học phần: Học phần **Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật** thuộc nhóm các học phần tự chọn của chương trình đào tạo đại học tiếp cận CDIO ngành **Giáo dục chính trị**. Đây là học phần giúp sinh viên hình thành, rèn luyện *các kỹ năng giải thích, tuyên truyền kiến thức pháp luật* cho nhiều loại đối tượng xã hội, cũng như *kỹ năng giảng dạy những nội dung liên quan đến pháp luật* trong môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở nhà trường trung học phổ thông. Học phần hướng đến *trau dồi các kỹ năng nghề nghiệp và giao tiếp, hợp tác để có thể phổ biến, giảng dạy về pháp luật cho học sinh phổ thông*. Sinh viên được trang bị những hiểu biết xoay quanh vấn đề phổ biến, giáo dục pháp luật như *mục đích, ý nghĩa của công tác giáo dục pháp luật, phương pháp lập kế hoạch phổ biến pháp luật và tổ chức thực hiện, các hình thức phổ biến pháp luật và tiêu chí lựa chọn, các kỹ năng cơ bản trong phổ biến, giáo dục pháp luật và một số vấn đề về giáo dục pháp luật trong nhà trường*. Sinh viên được học và rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp như *nắm bắt đặc điểm và tâm lý của đối tượng, kỹ năng thu hút sự chú ý của người nghe, kỹ năng phân tích, diễn giải pháp luật, và nhiều kỹ năng giao tiếp, hợp tác*.

Mục tiêu học phần: Học phần **Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật** nhằm trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị *mọi kiến thức liên quan đến vấn đề phổ biến, tuyên truyền, giải thích pháp luật* cho các đối tượng xã hội khác nhau, cũng như *hiểu biết, kỹ năng giáo dục cần thiết để có thể tiến hành giảng dạy tri thức pháp luật một cách hiệu quả* cho học sinh bậc trung học phổ thông. Học phần cũng nhằm rèn luyện, trau dồi những *kỹ năng nghề nghiệp như nắm bắt đặc điểm và tâm lý của đối tượng, kỹ năng thu hút sự chú ý của người nghe, kỹ năng phân tích, diễn giải pháp luật; các kỹ năng giao tiếp, hợp tác; kỹ năng sử dụng công nghệ cho sinh viên trong phổ biến, giáo dục pháp luật*.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục	Lý thuyết	Đánh giá thường xuyên

CLO2.1	S3	Áp dụng kỹ năng sử dụng công nghệ trong phổ biến, giáo dục pháp luật (S3)	Lý thuyết, Thảo luận, Bài tập	Bài tập, thảo luận, làm việc nhóm
CLO2.2	S4	Áp dụng kỹ năng giáo dục đề rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục	Lý thuyết, Thảo luận, Bài tập	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/ Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức	Lý thuyết, Thảo luận, Bài tập	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Rubric

37.5. POL30048: Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng

Mô tả học phần: Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò của nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục; nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh; thiết kế các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Mục tiêu học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục.
- Hình thành kỹ năng khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục.
- Hình thành kỹ năng phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.
- Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình học sinh và cộng đồng.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày vai trò của nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	K3	Xác định nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO2.1	S3	Thể hiện kỹ năng khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học	Tự học	Quan sát
CLO2.2	S4	Có khả năng thiết kế các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần
CLO3.1	S4	Thể hiện kỹ năng giao tiếp bằng lời nói trực tiếp, văn bản viết và đa phương tiện với gia	Nghiên cứu tình huống	Tự luận

		đình học sinh và cộng đồng.		
--	--	-----------------------------	--	--

38. POL31040: Thực tập và Đồ án tốt nghiệp

Mô tả học phần:

Học phần *Đồ án tốt nghiệp* là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm Giáo dục Chính trị. Học phần giúp người học nắm vững quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học. Người học có khả năng vận dụng các tri thức, phương pháp khoa học vào việc lựa chọn đề tài, thu thập tư liệu, phân tích, xử lý tư liệu để giải quyết vấn đề, viết báo cáo và công bố kết quả nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện và hoàn thành đồ án, người học nắm vững những kỹ thuật và quy định liên quan đến hình thức trình bày một công trình nghiên cứu, cách thức trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình khoa học với phần mềm powerpoint. Người học có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, thể hiện ý thức, thái độ khách quan, trung thực và các chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu.

Mục tiêu học phần: Học phần *Đồ án tốt nghiệp* nhằm củng cố và nâng cao kiến thức chuyên sâu một vấn đề về lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục Chính trị trong bối cảnh hội nhập. Học phần này hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết và phương pháp đã học để tiến hành thực hiện một nghiên cứu khoa học theo đúng quy trình, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua học phần này, sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học (kỹ năng xác định và hình thành vấn đề nghiên cứu, đặt giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thu thập và xử lý tư liệu, viết báo cáo, trình bày và công bố kết quả nghiên cứu), kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và rèn luyện ý thức trách nhiệm và đạo đức của người nghiên cứu khoa học.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	PP đánh giá
CLO2.1	S3	Áp dụng kỹ năng sử dụng công nghệ	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.1	S4	Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.1	S4	Thực hiện giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản (bậc 3.6)	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.1	C5	Phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông	Câu hỏi TNKQ (Quiz)
CLO4.2	C5	Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục Chính trị	Câu hỏi TNKQ (Quiz)
CLO4.3	C5	Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Chính trị	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.4	C5	Thiết kế kế hoạch nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Chính trị	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.5	C5	Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Chính trị	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.6	C4	Đánh giá, hoàn thiện các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Chính trị	Phiếu đánh giá (Rubrics)

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các căn cứ

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị được xây dựng dựa trên các căn cứ sau:

- Luật Giáo dục (2005); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (ngày 25/11/2009); Luật Giáo dục đại học (2012); Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 (ngày 19 tháng 11 năm 2018);
- Quyết định số 73/2005/QĐ-TTg ngày 04/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 37/2004/QH11 khóa IX, kì họp thứ 6 của Quốc hội về giáo dục;
- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 21/11/2005 của Chính phủ về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020;
- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;
- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 hợp nhất Quyết định về quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/04/2015 về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được, sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng thẩm định ban hành CTĐT trình độ đại học;
- Thông tư 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 ban hành Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập;
- Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình các môn học;

- Quyết định số /QĐ-ĐHV ngày của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội của Trường Đại học Vinh;

- Quyết định số /QĐ-ĐHV ngày của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Mô hình đào tạo, chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và khối lượng kiến thức tối thiểu của chương trình đào tạo trình độ đại học khối ngành đào tạo giáo viên Trường Đại học Vinh.

- Tham khảo, đối sánh Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị của Trường Đại học Đại học: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế, http://dhsphue.edu.vn/media/db_html_cmp_010403/20170719075853_dcct-502.pdf; Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục công dân, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, <https://hnue.edu.vn/Daotao/Khungchuongtrinh/tabid/426/frame/13/Default.aspx>

- Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với ngành sư phạm của nhà trường và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ đại học của các tỉnh, địa phương.

2. Trách nhiệm của giảng viên và người học

Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ. Vì vậy:

- Giảng viên phải không ngừng rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật những thành tựu mới nhất của khoa học hiện đại, những vấn đề lý luận và thực tiễn bức bách đang đặt ra liên quan đến môn học.

- Người học cần phát huy tinh thần tự giác, sáng tạo, tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu, xác định chương trình học tập; thường xuyên rèn luyện và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự đặt vấn đề và tự giải quyết vấn đề...

Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:

- *Định hướng về phương pháp giảng dạy:*

Thực hiện triệt để phương châm “lấy người học làm trung tâm”; phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo của người học trong quá trình lĩnh hội tri thức và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Cụ thể là:

+ Tinh giản lí thuyết, gắn lí thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm,...

+ Ngoài việc giúp người học hiểu các kiến thức lí thuyết, cần chú ý việc vận dụng các kiến thức đó vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Định hướng về cách đánh giá kết quả đào tạo:

+ Đánh giá thông qua thảo luận, thuyết trình, làm bài tập nhóm, góp ý kiến xây dựng bài trên lớp.

+ Thông qua thực hiện dự án học phần; thực tế, thực hành sư phạm;...

+ Đánh giá thông qua khâu tự học, tự nghiên cứu trên elearning trường Đại học Vinh, tự chuẩn bị ở nhà, các bài thực hành, tiểu luận.

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

1. Đội ngũ giảng viên trong Khoa GDCT

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1	Nguyễn Thái Sơn 1969, Trưởng Khoa	Giảng viên cao cấp, PGS	Tiến sĩ, 2000 Việt Nam PGS, 2013 Việt Nam	- Triết học Mác - Lênin - Logic hình thức - Lịch sử Triết học - Kỹ năng phổ biến GD pháp luật
2	Nguyễn Thị Diệp, 1969	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2003 Việt Nam	- Học phần 1: Kinh tế chính trị - Học phần 2: Kinh tế phát triển.
3	Hoàng Thị Nga, 1970	Giảng viên	Thạc sĩ, 2006 Việt Nam	- Chủ nghĩa xã hội khoa học - Nhập môn ngành sư phạm - Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp - Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật - Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật
4	Phan Huy Chính, 1969	Giảng viên	Thạc sĩ, 2001 Việt Nam	- Triết học Mác - Lênin - Logic hình thức - Lịch sử Triết học - Kỹ năng phổ biến GD pháp luật
5	Nguyễn Thị Mỹ Hương, 1975	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2004 Việt Nam	- Học phần 1: Kinh tế chính trị - Học phần 2: Chuyên đề kinh tế chính trị. - Học phần 3: Khởi

				nghiệp, đổi mới và sáng tạo - Học phần 4: Hội nhập kinh tế quốc tế - Học phần 5: Kinh tế phát triển
6	Lê Thị Nam An, 1980	Giảng viên	Thạc sĩ, 2007 Việt Nam	- Triết học Mác - Lênin - Logic hình thức - Lịch sử Triết học - Kỹ năng phổ biến GD pháp luật
7	Bùi Thị Cần, 1980	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2007 Việt Nam Tiến sĩ 2017 Việt Nam	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh - Phát triển Chương trình môn GDKT&PL - Văn hóa chính trị
8	Nguyễn Thị Hải Yến 1982	Giảng viên chính	Thạc sĩ 2008, tiến sĩ 2019	- Học phần 1: Kinh tế chính trị - Học phần 2: Chuyên đề kinh tế chính trị. - Học phần 3: Kinh tế phát triển - Học phần 4: Hội nhập kinh tế quốc tế
9	Trần Cao Nguyên, 1982	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam Tiến sĩ 2017 Việt Nam	- Lịch sử Đảng CSVN - Chuyên đề lịch sử Đảng - Công tác Đảng và công tác đoàn thể
10	Nguyễn Văn Sang, 1983	Giảng viên chính	Thạc sĩ 2011 Việt Nam Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Triết học Mác - Lênin - Logic hình thức - Lịch sử Triết học - Kỹ năng phổ biến GD pháp luật
11	Trần Thị Hạnh, 1985	Giảng viên	Thạc sĩ 2013 Việt Nam	- Lịch sử Đảng CSVN - Chuyên đề lịch sử Đảng
12	Nguyễn Thị Kim Thi, 1986	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Nhập môn sư phạm - Xây dựng KHDH môn GDKT&PL - Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật
13	Nguyễn Thị Kim Chi, 1992	Giảng viên	Thạc sĩ 2014 Việt Nam	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Nhập môn sư phạm

				<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng KHDH môn GDKT&PL - Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp
14	Dương Thị Mai Hoa, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử Đảng CSVN - Chuyên đề lịch sử Đảng - Công tác Đảng và công tác đoàn thể
15	Phan Thị Nhuận, 1989	Giảng viên	Thạc sĩ, 2016 Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử Đảng CSVN - Chuyên đề lịch sử Đảng - Công tác Đảng và công tác đoàn thể

2. Đội ngũ giảng viên ngoài Khoa GDCT tham gia giảng dạy chương trình đào tạo ngành GDCT

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1	Nguyễn Việt Quang, 1963, Phó Hiệu trưởng	Giảng viên cao cấp, PGS	Tiến sĩ, 2009 Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Triết học Mác - Lênin - Chuyên đề triết học
2	Đình Thế Định, 1958	Giảng viên cao cấp, PGS	Tiến sĩ, 2003 Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - CNXH khoa học - Chuyên đề CNXH khoa học
3	Phạm Thị Bình, 1971	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Triết học Mác – Lênin - Văn hóa Lãnh đạo quản lý - Phát triển Chương trình môn GDKT&PL - Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.
4	Vũ Thị Phương Lê 1975, Trưởng Khoa	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - CNXH khoa học - Chuyên đề CNXH khoa học - Hệ thống CT Việt Nam - Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng
5	Đình Trung Thành, 1970	Giảng viên cao cấp, PGS	Thạc sĩ, 1996 Tiến sĩ, 2009 Phó GS	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần 1: Kinh tế chính trị - Học phần 2: Chuyên đề kinh tế

				<p>chính trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học phần 3: Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo - Học phần 4: Hội nhập kinh tế quốc tế
6	Nguyễn Văn Trung, Trưởng Khoa	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2006 Việt Nam Tiến sĩ 2012 Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử Đảng CSVN - Chuyên đề lịch sử Đảng - Công tác Đảng và công tác đoàn thể
7	Trương Thị Phương Thảo, 1982	Giảng viên	Tiến sĩ, 2020 Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - CNXH khoa học - Triết học
8	Phan Văn Tuấn, 1983	Giảng viên	Thạc sĩ, 2009 Việt Nam Tiến sĩ 2017 Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh - Văn hóa chính trị
9	Nguyễn Thị Lê Vinh, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2012	<ul style="list-style-type: none"> - CNXH khoa học - Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng
10	Lê Thị Thanh Hiếu,	Giảng viên	Thạc sĩ, 2012 Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Văn hóa chính trị
11	Phạm Thị Thúy Hồng, 1984	Giảng viên	Thạc sĩ 2009 Việt Nam	CNXH khoa học

PHỤ LỤC 2

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phòng học lý thuyết: Trường Đại học Vinh có:

- 01 Hội trường A với sức chứa hơn 800 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- Hơn 10 Giảng đường với sức chứa lớn, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lý thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm. Nhà trường đã có hệ thống phòng học trên 200 phòng (156 phòng học nhà cao tầng, 46 phòng học cấp 4 đã được nâng cấp) với tổng diện tích 15.723 m² sử dụng. Bình quân 1 ca học bố trí được 13.000 chỗ ngồi với diện tích sử dụng bình quân là 2 m²/1 ca (chưa kể diện tích học tập tại phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá,...).

- Nhiều phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin. Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân. Hầu hết các phòng học lý thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy vi tính, projector, màn chiếu hiện đại/bảng tương tác.

- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Các tài liệu phục vụ cho quá trình giảng dạy học tập có trên hệ thống Thư viện của Trường. Một số giáo trình, tài liệu tham khảo chuyên ngành được lưu trữ tại tủ sách của Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh.

- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao - y tế, gồm có: 1 nhà tập đa chức năng đúng tiêu chuẩn, 4 sân bóng chuyền, 1 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn, một nơi sinh hoạt cho câu lạc bộ tennis, và nhiều vị trí đặt bàn bóng bàn phục vụ cho cán bộ, sinh viên với tổng diện tích 13.496m²; trạm Y tế với 8 phòng khám, điều trị với tổng diện tích 240 m²; sân khấu trong nhà với 450 chỗ ngồi, 1 sân khấu ngoài trời có khả năng bố trí 3000 chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

Hệ thống phòng làm việc cho khối hành chính được xây dựng đầy đủ, đúng tiêu chuẩn, trang bị thiết bị và phương tiện làm việc đúng theo yêu cầu quy định. Theo cơ cấu tổ chức hiện nay Trường Đại học Vinh có 43 đơn vị hành chính (phòng, ban, văn phòng khoa, trung tâm, viện,...). Trường bố trí làm việc tại 74 phòng làm việc với tổng diện tích 2.991 m²; 4 phòng họp, phòng hội thảo quốc tế với tổng diện tích 515 m². Ký túc xá sinh viên của Trường có 3 nhà 5 tầng với tổng 168 phòng ở với tổng diện tích 5.040 m² sử dụng có khả năng đáp ứng khoảng 1104 chỗ ở với diện tích bình quân 3,2 m²/ 1 chỗ ở. Toàn bộ nhà ký túc xá sinh viên là nhà kiên cố, khép kín, đảm bảo điện, nước; riêng các phòng dành cho chuyên gia, lưu học sinh đều có lắp

máy điều hoà nhiệt độ, tắm nóng lạnh, tivi và các trang bị nội thất tốt, phù hợp. Khuôn viên khu ký túc xá đẹp, rộng rãi, có hệ thống căng tin, nhà ăn tập thể, gần sát sân vận động,... Một số phòng được bố trí làm câu lạc bộ cho sinh viên. iện tại, Trường đang sử dụng định mức nơi ở như sau: sinh viên Việt Nam: 8 sinh viên/1 phòng, lưu học sinh nước ngoài: 4 sinh viên/1 phòng, học viên sau đại học nước ngoài: 2 học viên/1 phòng.

Với sự đầu tư bằng kinh phí Nhà nước và vốn tự có của Nhà trường, các phòng học được trang bị đủ tiêu chuẩn chiếu sáng, bàn ghế, bảng chống lóa đúng tiêu chuẩn và cùng nhiều trang thiết bị điện tử khác. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy, học và đào tạo theo tín chỉ, đến nay, Trường đã có khả năng đáp ứng nhu cầu giảng dạy bằng bài giảng điện tử trên quy mô lớn (ngoài 44 phòng có hỗ trợ bằng thiết bị nghe nhìn, các khoa còn có 5 - 7 bộ thiết bị di động phục vụ khi có nhu cầu). Hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành. Hệ thống phòng học, giảng đường đạt tiêu chuẩn đã và đang được xây dựng; hệ thống phòng thí nghiệm, thư viện đang được hoàn chỉnh, hiện đại hóa; cơ sở hạ tầng được cải tạo, nâng cấp. Nhà Trường đang từng bước tăng cường trang bị cơ sở vật chất hiện đại để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên, học viên ngày càng chất lượng và hiệu quả hơn.

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN

Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần

TT	Mã HP	Tên HP	1.1		1.2			1.3		2.1				2.2		3.1		3.2		4.1		4.2			
			1.1.1.	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1.	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	3.1.1.	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1.	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm						K2	K2		S2			A2	A2		S2	S2			C2	C2	C2	C2	C2
2	POL11001	Triết học Mác-Lênin	K3							S2				A2											
3	GEO20003	Môi trường và phát triển bền vững		K3						S2										C2	C2				
4	POL30041	Kinh tế phát triển			K3					S3				A3						C3					
5	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới		K3												S2	S2			C2					
6	POL20001	Lôgic hình thức		K3						S3	S3					S3									
7	POL11002	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	K3							S2				A3											
8	ENG10001	Tiếng Anh 1														S2	S2		S2						
9	EDU21003	Tâm lý học						K3				S2	A2				S2								
10	LIT20006	Cơ sở văn hoá Việt Nam		K3						S2										C2	C2				
11	POL30007	Đạo đức học			K3					S3		S3	A3	A3			S2								
12		Tự chọn 1	K3							S3						S3									
13	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K3							S2				A3											
14	ENG10002	Tiếng Anh 2																S3							

15	EDU20006	Giáo dục học						K3					S3	A3			S3								
16	LAW31006	Luật Hiến pháp					K3			S3	S3							C3							
17	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục								S3		S3					S3	S3		C3	C3	C3	C3	C3	
18	POL30042	Hệ thống chính trị Việt Nam				K4				S4					S3	S3									
19	POL31008	Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin				K4	K4			S4	S4														
20	POL11004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K3							S3				A3											
21	POL31036	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam					K4			S4	S4								C4						
22	LAW30048	Hệ thống pháp luật Việt Nam					K4			S4		S3			S4	S3	S4				C3	C3	C3	C3	
23		Tự chọn 2						K4		S4	S4						S4								
24	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K3							S3				A4	A4										
25	POL31018	Chuyên đề triết học				K4				S4				A4			S3		C4						
26	POL31027	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học				K4				S4				A4			S3		C4						
27	POL30028	Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				K4				S4				A4			S3		C4						
28	POL30017	Chuyên đề kinh tế chính trị				K4	K4			S4		S3		A4		S4	S3	S4				C3	C3	C3	C3
29	POL30029	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh				K4				S4				A4	A4		S3		C4						
30	POL30044	Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế						K4		S4			S4	A4								C4	C4	C4	C4

		và pháp luật																						
31	POL30043	Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật						K4	S4		S4	A4							C4	C5	C5	C5	C4	
32	POL31033	Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật						K4	S4	S3	S4	A4	A4	S4	S3	S4			C4	C5	C5	C5	C4	
33	POL30046	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật						K4	S4		S4	A4			S3				C4	C5				
34	POL30047	Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật						K4	S4		S4	A4	A4		S3				C4	C5				
35	POL31038	Văn hóa chính trị				K4			S4		S3		A4		S4	S4	S4			C4	C4	C4	C4	
36	LAW31017	Luật quốc tế					K4		S4	S4									C4					
37		Tự chọn 3						K4			S3	S4			S4		S4							
38	POL31040	Thực tập và đồ án tốt nghiệp							A5	S5	S3	S4	A4	A4	S4	S4	S4		C5	C5	C5	C5	C5	C4

Kiến thức (K): K2: Biết/Nhớ; K3: Hiểu; K4: Áp dụng/Phân tích; K5: Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);
- **Thái độ (A):** A2: Tiếp nhận; A3: Hồi đáp/Phản ứng; A4: Chấp nhận giá trị; A5: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);
- **Kỹ năng (S):** S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp/Hoàn thiện thứ tự hoạt động; S5: Sáng chế/Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới (Ref: Simpson, 1972; Dave, 1975).
- **Năng lực (C):** C3: Vận dụng; C4: Phân tích; C4: Đánh giá.